BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2019/TT-BTC	*Hà Nội, ngày tháng năm 2019*

THÔNG TƯ

Ban hành các chỉ tiêu thông tin, mẫu chứng từ khai báo khi làm thủ tục quá cảnh hàng hóa; về quản lý bảo lãnh theo quy định tại Nghị định số /2019/NĐ-CP ngày tháng năm 2019 của Chính phủ.

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số....ngày của Chính phủ quy định thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống quá cảnh ASEAN để thực hiện Nghị định thư số 7 về Hệ thống quá cảnh hải quan.

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định chỉ tiêu thông tin, mẫu chứng từ khai báo khi làm thủ tục quá cảnh hàng hóa; về quản lý bảo lãnh theo quy định tại Nghị định số /2019/NĐ-CP ngày tháng năm 2019 của Chính phủ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định các chỉ tiêu thông tin, mẫu chứng từ khai báo khi làm thủ tục quá cảnh hàng hóa thông qua Hệ thống quá cảnh ASEAN để thực hiện Nghị định thư số 7 về Hệ thống quá cảnh hải quan; quản lý bảo lãnh theo quy định tại Nghị định số /2019/NĐ-CP ngày tháng năm 2019 của Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan hải quan; công chức hải quan.

2. Người khai hải quan đối với hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống quá cảnh ASEAN để thực hiện Nghị định thư số 7 về Hệ thống quá cảnh hải quan.

3. Các cơ quan khác của Nhà nước trong việc phối hợp quản lý nhà nước về hải quan đối với hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống quá cảnh ASEAN

Điều 3. Chỉ tiêu thông tin hướng dẫn thực hiện khai báo đối với hàng hóa quá cảnh thực hiện thủ tục quá cảnh trên Hệ thống ACTS (Phụ lục I kèm theo) bao gồm:

1. Chỉ tiêu thông tin đăng ký Tờ khai hải quan quá cảnh trên Hệ thống ACTS;

2. Chỉ tiêu thông tin đăng ký doanh nghiệp ACTS, đăng ký tài khoản người sử dụng;

3. Chỉ tiêu thông tin người được ủy quyền nộp tờ khai;

4. Chỉ tiêu thông tin đăng ký cấp phép cho doanh nghiệp;

5. Chỉ tiêu đăng ký cấp phép cho doanh nghiệp quá cảnh ACTS tại nước đích;

6. Chỉ tiêu danh sách chứng từ quá cảnh kèm theo.

7. Biên bản chứng nhận trong trường hợp hàng hóa không thể niêm phong (hàng rời, hàng siêu trường, siêu trọng, hàng cồng kềnh);

8. Văn bản đề nghị khai bổ sung trong trường hợp hệ thống gặp sự cố;

Điều 4. Chuẩn dữ liệu và thông điệp trao đổi thực hiện Hệ thống ACTS.

Khi Việt Nam chính thức thực hiện Hệ thống ACTS theo Nghị định thư 7, Tổng cục Hải quan có trách nhiệm công bố chuẩn dữ liệu và thông điệp trao đổi thực hiện Hệ thống ACTS trên cơ sở thống nhất giữa các nước thành viên ASEAN tham gia Nghị định thư 7.

Điều 5. Quản lý bảo lãnh

1. Khi thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa quá cảnh, người khai hải quan nộp Thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng cho cơ quan hải quan để cập nhật vào Hệ thống ACTS. Thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng cung cấp phải đáp ứng đủ các tiêu chí và yêu cầu sau:

a) Tên tổ chức tín dụng, địa chỉ, điện thoại, mã số thuế, mã tổ chức tín dụng phát hành bảo lãnh do Ngân hàng Nhà nước cấp;

b) Tên người nộp thuế hoặc tổ chức cá nhân đại diện cho người nộp thuế, địa chỉ, điện thoại, mã số thuế;

c) Số tiền bảo lãnh:

c.1) Đối với hình thức bảo lãnh riêng thì số tiền bảo lãnh tương đương số tiền thuế phải nộp cho 01 tờ khai hải quan;

c.2) Đối với hình thức bảo lãnh chung thì số tiền bảo lãnh tương đương số tiền thuế phải nộp cho các tờ khai hải quan trong khoảng thời gian nhất định.

Hệ thống ACTS có chức năng hỗ trợ người khai hải quan tự động tính toán số tiền bảo lãnh trong khoảng thời gian nhất định.

d) Thời hạn và hiệu lực của bảo lãnh riêng, bảo lãnh chung: thực hiện theo quy định tại Điều 25, Điều 26 Nghị định số /2019/NĐ-CP ngày tháng năm 2019 của Chính phủ.

đ) Tổ chức tín dụng nhận bảo lãnh chịu trách nhiệm theo thời hạn hiệu lực của bảo lãnh.

e) Các quốc gia tham gia vào hành trình quá cảnh:

e.1) Hải quan nước khởi hành – nước quá cảnh 1 – nước quá cảnh 2 (nếu có) – nước đến;

e.2) Tên, địa chỉ trụ sở Ngân hàng tại nước khởi hành;

e.3) Tên, địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện của ngân hàng tại nước quá cảnh 1;

e.4) Tên, địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện của ngân hàng tại nước quá cảnh 2 (nếu có);

e.5) Tên, địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện của ngân hàng tại nước đến.

2. Cơ quan hải quan kiểm tra nội dung thư bảo lãnh phải đảm bảo đầy đủ theo các tiêu chí và yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này, sau đó cập nhật thông tin bảo lãnh vào Hệ thống ACTS, chuyển người khai hải quan số tham chiếu bảo lãnh (GRN) do Hệ thống tự động cấp để khai báo trên tờ khai hải quan quá cảnh.

Sau khi Hệ thống cấp số tham chiếu bảo lãnh (GRN), trường hợp thông tin bảo lãnh có sự thay đổi thì người khai hải quan có văn bản gửi cơ quan hải quan đề nghị sửa đổi, cập nhật thông tin bảo lãnh trên Hệ thống.

Điều 6. Mẫu chứng từ áp dụng trong chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp quá cảnh

Mẫu chứng từ để thực hiện chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp quá cảnh (Phụ lục II), bao gồm:

1. Văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên (mẫu 01/DNQCUT);

2. Công văn đề nghị thay đổi, bổ sung số niêm phong đặc biệt (mẫu 02/DNQCUT);

3. Quyết định về việc công nhận doanh nghiệp ưu tiên (mẫu 03/DNQCUT);

4. Quyết định về việc đình chỉ/ thu hồi Quyết định công nhận doanh nghiệp ưu tiên (mẫu 04/DNQCUT);

5. Báo cáo tình hình hoạt động của doanh nghiệp ưu tiên (mẫu 05/DNQCUT);

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2019.

2. Trường hợp phát sinh vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) để được xem xét, hướng dẫn giải quyết./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ; các Phó TTCP;
- Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc Hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án Nhân dân Tối cao;
- Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Cục Hải quan các tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Trang tin điện tử Bộ Tài chính;
- Website Tổng cục Hải quan;
- Lưu VT; TCHQ (10).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Thị Mai

PHỤ LỤC I
CHỈ TIÊU THÔNG TIN HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN KHAI BÁO ĐỐI VỚI HÀNG HÓA QUÁ CẢNH THỰC HIỆN THỦ TỤC QUÁ CẢNH TRÊN HỆ THỐNG ACTS

(Ban hành kèm Thông tư số ...../2019/TT-BTC ngày .../.../2019 của Bộ Tài chính)

Ô số	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú	Bảng mã
1	Số tờ khai	Không phải nhập liệu, hệ thống tự động cấp số tờ khai.	
2	Nhà xuất khẩu	Người khai khai báo tên nhà xuất khẩu và ghi rõ mã TIN	
3	Mã loại hình	Khai báo mã loại hình	
4	Tổng số mặt hàng	Khai báo tổng số mặt hàng thực hiện quá cảnh	
5	Tổng số kiện	Khai báo tổng số kiện lô hàng	
6	Nhà nhập khẩu	Người khai khai báo tên nhà nhập khẩu và ghi rõ mã TIN	
7	Tổng trọng lượng	Tổng trọng lượng của lô hàng	
8	Ngày dự kiến xuất phát	Người khai hải quan khai báo ngày dự kiến lô hàng quá cảnh xuất phát	
9	Ngày giải phóng hàng quá cảnh	Hệ thống tự động cập nhật	
10	Thông tin doanh nghiệp/thông tin liên hệ chi tiết	Người khai khai rõ các thông tin về doanh nghiệp	
11	Các quốc gia dự kiến quá cảnh	Người khai khai dự kiến các quốc gia quá cảnh	
12	Quốc gia đích	Người khải hải quan khai báo quốc gia mà lô hàng quá cảnh đến đích	
13	Số hiệu phương tiện vận chuyển	Người khải hải quan khai báo số hiệu phương tiện vận chuyển	
14	Container	Người khai hải quan tích vào ô "container" nếu có	
15	Cơ quan hải quan nơi xuất phát	Tên cơ quan hải quan nơi hàng hóa quá cảnh xuất phát	
16	Quốc tịch phương tiện vận	Người khải hải quan khai quốc tịch của phương tiện vận chuyển	

Ô số	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú	Bảng mã
	chuyển		
17	Phương thức vận chuyển	Người khải hải quan khai phương thức vận chuyển	
18	Địa điểm xếp hàng	Người khải hải quan khai tên địa điểm xếp hàng	
19	Cơ quan xuất cảnh	Người khải hải quan khai tên cơ quan xuất cảnh	
20	Địa điểm của hàng hóa	Người khải hải quan khai tên địa điểm lưu giữ hàng hóa	
21	Số container, ký hiệu, số kiện hàng, số & loại kiện hàng, mô tả hàng hóa	Người khải hải quan khai chi tiết các thông tin về số container, ký hiệu, số kiện hàng, số & loại kiện hàng, mô tả hàng hóa	
22	Số lượng hàng hóa	Người khải hải quan khai số lượng hàng hóa	
23	Mã hàng hóa	Người khải hải quan khai mã hàng hóa	
24	Mã tiền tệ	Người khải hải quan khai mã tiền tệ sử dụng cho hành trình quá cảnh của lô hàng	
25	Giá trị hóa đơn	Người khải hải quan khai giá trị hóa đơn	
26	Tổng trọng lượng (Gross) (kg)	Người khải hải quan khai tổng trọng lượng lô hàng theo kg (Gross)	
27	Trọng lượng tịnh (kg)	Người khải hải quan khai trọng lượng tinh lô hàng theo kg (Net)	
28	Đơn vị bổ sung		
29	Nước xuất xứ	Người khải hải quan khai nước xuất xứ của lô hàng	
30	Mã nước xuất xứ	Người khải hải quan khai mã nước xuất xứ của lô hàng	
31	Thông tin khác gồm trách nhiệm đối với hàng hóa theo từng yêu cầu cụ thể		
32	Thay đổi phương tiện vận tải/container	Người khai hải quan khai các thông tin: + Địa điểm, quốc gia thực hiện thay đổi phương tiện vận tải/container và Mã địa điểm; + Số hiệu và quốc tịch phương tiện vận tải mới và mã; + Số hiệu container mới (nếu thay đổi container).	

Ô số	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú	Bảng mã
33	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền	Cơ quan có thẩm quyền xác nhận thủ công các nội dung thông tin sau trên bản khai TAD: Số niêm phong mới; số seri niêm phong; ký tên và đóng dấu	
34	Chủ hàng	Khai báo thông tin mã TIN của chủ hàng Đại diện chủ hàng Ngày và địa điểm:	
35	Sự cố bất thường trong quá trình vận chuyển; chi tiết và các biện pháp khắc phục	Trong quá trình quá cảnh, trường hợp xảy ra sự cố bất thường thì ghi rõ thông tin về sự cố và các biện pháp khắc phục trên TAD.	
36	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền	Ô cơ quan có thẩm quyền xác nhận trong trường hợp có sự cố bất thường xảy ra.	
37	Cơ quan hải quan dự kiến quá cảnh	Người khải hải quan khai dự kiến cơ quan hải quan quá cảnh	
1.38	Thông tin chi tiết bảo lãnh	Người khải hải quan khai thông tin chi tiết về bảo lãnh	
1.39	Quốc gia không có giá trị bảo lãnh (mã)		
40	Cơ quan hải quan tại điểm đích	Người khải hải quan khai cơ quan hải quan tại điểm đích	
41	Kết quả kiểm tra của cơ quan hải quan tại điểm đi	Cơ quan hải quan tại điểm đi ghi rõ số niêm phong hải quan, số seri niêm phong hải quan; Thời gian tối đa kết thúc hành trình quá cảnh; ký tên và đóng dấu.	
42	Kết quả kiểm tra của cơ quan hải quan tại điểm đích	Cơ quan hải quan tại điểm đích ghi rõ ngày hàng đến, tình trạng niêm phong và nhận xét.	

Mẫu 01/DNQCUT

TÊN CÔNG TY ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....
V/v đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên

..., ngày ... tháng ... năm...

Kính gửi: Tổng cục Hải quan

Tên công ty:...

Mã số thuế:...

Địa chỉ trụ sở:...

Số ĐT:...; số FAX:...

Website:...

Giấy phép thành lập/ Giấy chứng nhận đầu tư số:.....; cấp lần đầu ngày:...; cơ quan cấp:...

(Nếu có thay đổi, đề nghị kê khai lần thay đổi cuối cùng như ví dụ sau:

Thay đổi lần... ngày:...; cơ quan cấp:...; Nội dung thay đổi:...)

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:...; cấp lần đầu ngày:...; cơ quan cấp:...

(Nếu có thay đổi, kê khai tương tự như Giấy phép thành lập/ Giấy chứng nhận đầu tư)

Loại hình doanh nghiệp:...

Ngành, nghề kinh doanh:...

Đầu mối đại diện của Công ty:.....; Chức vụ:...; Số điện thoại di động:...; E- mail:...

Căn cứ điều kiện doanh nghiệp quy định tại Điều....Nghị định số.... quy định điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp quá cảnh thông qua Hệ thống ACTS, Công ty ... đã tự đánh giá, đối chiếu với quy định trên đây, nhận thấy có đủ điều kiện để được công nhận là doanh nghiệp quá cảnh được áp dụng chế độ ưu tiên. Chi tiết:

1. Điều kiện về trụ sở của doanh nghiệp:

(Nêu rõ địa chỉ thường trú của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam)

2. Điều kiện về mức sử dụng thủ tục quá cảnh thông qua hệ thống ACTS:

- Tổng số tờ khai quá cảnh qua các nước ASEAN theo từng năm (bao gồm cả tờ khai theo thủ tục quá cảnh thông thường và tờ khai quá cảnh thông qua hệ thống ACTS);

- Tổng số tờ khai quá cảnh thông qua hệ thống ACTS, chiếm tỷ lệ % trên tổng số tờ khai quá cảnh qua các nước ASEAN (theo từng năm).

3. Điều kiện về lưu giữ hồ sơ, chứng từ, tài liệu liên quan đến hoạt động cảnh

- Thống kê số tờ khai, chứng từ, tài liệu kèm theo hồ sơ hải quan quá cảnh để cung cấp cho cơ quan Hải quan (theo từng năm);

4. Điều kiện tuân thủ pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế

4.1) Trong 5 năm trở về trước (tính từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...), Công ty ... tự đánh giá là tuân thủ tốt pháp luật hải quan. Căn cứ đánh giá của Công ty là Thông tư ..., Nghị định ..., Luật...

Số lần Công ty ... bị cơ quan hải quan xử phạt vi phạm (nếu có):

(Kê theo từng quyết định xử phạt)

Quyết định xử phạt số: Ngày:
Cơ quan xử phạt:
Hành vi vi phạm:
Số tiền bị xử phạt:
Hình thức phạt bổ sung (nếu có):

4.2) Về tuân thủ pháp luật thuế

Trong 5 năm trở về trước (tính từ ngày … tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...), Công ty ... tự đánh giá là tuân thủ tốt pháp luật thuế. Căn cứ đánh giá của Công ty là Thông tư ..., Nghị định …, Luật...

Số lần Công ty ... bị cơ quan thuế xử phạt vi phạm (nếu có):

(Kê theo từng quyết định xử phạt)

Quyết định xử phạt số: Ngày:
Cơ quan xử phạt:
Hành vi vi phạm:
Số tiền bị xử phạt:
Hình thức phạt bổ sung (nếu có):

5. Điều kiện về sử dụng niêm phong đặc biệt

- Nêu rõ doanh nghiệp có đăng ký sử dụng niêm phong đặc biệt để niêm phong hàng hóa quá cảnh thông qua hệ thống ACTS;

- Loại niêm phong đặc biệt, danh sách số hiệu niêm phong đặc biệt đăng ký sử dụng;

Công ty... xin đảm bảo và chịu trách nhiệm trước pháp luật là những thông tin, tài liệu gửi kèm công văn này là trung thực, chính xác, cam kết chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật và Nghị định số....quy định thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống ACTS.

Đề nghị Tổng cục Hải quan xem xét, quyết định công nhận Công ty... là doanh nghiệp ưu tiên./.

(Hồ sơ gửi kèm:...)

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:...

Mẫu 02/DNQCUT

TÊN CÔNG TY ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....
V/v thay đổi, đăng ký bổ sung số niêm phong đặc biệt

..., ngày ... tháng ... năm...

Kính gửi: Tổng cục Hải quan

Tên công ty:...

Mã số thuế:...

Địa chỉ trụ sở:...

Được công nhận là doanh nghiệp quá cảnh được ưu tiên theo Quyết định số:.....ngày ..... tháng.....năm..... của Tổng cục Hải quan.

1. Đề nghị thay đổi số niêm phong đặc biệt như sau:

STT	Số niêm phong đặc biệt đã đăng ký	Số niêm phong đặc biệt thay đổi	Lý do thay đổi

2. Danh sách số niêm phong đặc biệt bổ sung:

STT	Số niêm phong đặc biệt bổ sung
Tổng số:	

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:...

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 03/DNQCUT

TÊN CÔNG TY ...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ... /QĐ-TCHQ	*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận doanh nghiệp ưu tiên

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Nghị định số..... ngày ... tháng ... năm .... của Chính phủ quy định thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống quá cảnh hải quan ASEAN để thực hiện Nghị định thư 7 Hệ thống quá cảnh hải quan;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Xét hồ sơ đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên kèm theo văn bản số... ngày... tháng ... năm ... của Công ty ...;

Xét đề nghị của Cục Giám sát quản lý tại Tờ trình số ... về việc...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận doanh nghiệp quá cảnh thông qua Hệ thống quá cảnh hải quan ASEAN (gọi tắt là hệ thống ACTS) được ưu tiên, áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại Nghị định số..... ngày ... tháng .... năm ..... của Chính phủ đối với Công ty ...; Mã số thuế:...; Địa chỉ: ...

Điều 2. Công ty ... có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Nghị định số..... ngày ... tháng .... năm ..... của Chính phủ và các quy định liên quan của pháp luật.

Điều 3. Thời hạn áp dụng chế độ ưu tiên là 36 (ba mươi sáu) tháng, kể từ ngày ký Quyết định này. Sau thời hạn này, nếu Công ty đáp ứng các điều kiện quy định thì tiếp tục được áp dụng chế độ ưu tiên.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Công ty ...., Cục trưởng Cục Giám sát quản lý, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5 (để t/hiện);
- Các Phó Tổng cục trưởng (để chỉ đạo);
- Các đơn vị thuộc Tổng cục (để t/hiện);
- Lưu: VT, GSQL (3b).

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Mẫu 04/DNQCUT

TÊN CÔNG TY ...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ... /QĐ-TCHQ	*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đình chỉ/thu hồi Quyết định công nhận doanh nghiệp ưu tiên

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Nghị định số..... ngày ... tháng ... năm .... của Chính phủ quy định thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống quá cảnh hải quan ASEAN để thực hiện Nghị định thư 7 Hệ thống quá cảnh hải quan;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Xét Tờ trình số ... ngày .../.../... của Cục Giám sát quản lý về Hải quan về việc đình chỉ/thu hồi áp dụng chế độ ưu tiên quá cảnh thông qua Hệ thống quá cảnh hải quan ASEAN đối với Công ty ... ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đình chỉ/thu hồi Quyết định công nhận doanh nghiệp ưu tiên đối với hoạt động quá cảnh hàng hóa thông qua Hệ thống quá cảnh hải quan ASEAN (ACTS) đối với Công ty ...; Mã số thuế:.....; Địa chỉ: ...

Thời gian đình chỉ/thu hồi là ... tháng kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Công ty..., Cục trưởng Cục Giám sát quản lý về Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để t/hiện);
- Các Phó Tổng cục trưởng (để chỉ đạo);
- Các đơn vị thuộc Tổng cục (để t/hiện);
- Lưu: VT, GSQL (3b).

Mẫu 05/DNQCUT

TÊN CÔNG TY ...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..... V/v báo cáo tình hình hoạt động của doanh nghiệp ưu tiên	*..., ngày ... tháng ... năm...*

Kính gửi: Tổng cục Hải quan.

Công ty ... báo cáo Tổng cục Hải quan tình hình hoạt động quá cảnh, tuân thủ pháp luật về hải quan, thuế trong năm ... , cụ thể như sau:

1. Về tổng số tờ khai quá cảnh:

- Tổng số tờ khai quá cảnh qua các nước ASEAN theo từng năm (bao gồm cả tờ khai theo thủ tục quá cảnh thông thường và tờ khai quá cảnh thông qua hệ thống ACTS);

- Tổng số tờ khai quá cảnh thông qua hệ thống ACTS, chiếm tỷ lệ % trên tổng số tờ khai quá cảnh qua các nước ASEAN (theo từng năm).

2. Các vi phạm, các vướng mắc

(Chi tiết theo từng vi phạm: gồm vi phạm pháp luật hải quan, pháp luật thuế; Chi tiết theo từng vướng mắc)

Các vi phạm: ... Quyết định xử phạt số: ... ngày ... cơ quan ban hành quyết định xử phạt... Số tiền xử phạt: ... Hình phạt bổ sung: ... Tình hình chấp hành Quyết định xử phạt: ...
Các vướng mắc: ... Các biện pháp xử lý vướng mắc của Cục Hải quan tỉnh, thành phố: ... Các đề xuất của Công ty: ...

3. Các thay đổi của doanh nghiệp (nếu có)

(Bao gồm: thay đổi chủ đầu tư, giấy phép, giấy chứng nhận đầu tư, đổi tên, đổi mã số thuế, thay đổi địa chỉ trụ sở chính, nhà máy, thêm chi nhánh phụ thuộc, công ty con, tăng quy mô, thay đổi hoạt động sản xuất kinh doanh, ...)

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu:...	**ĐẠI DIỆN CÔNG TY...** *(Ký tên, đóng dấu)*

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

VĂN BẢN THÔNG BÁO
Văn bản đề nghị khai bổ sung trường hợp hệ thống gặp sự cố

Kính gửi: Chi cục Hải quan .....

1. Doanh nghiệp đề nghị khai bổ sung tờ khai quá cảnh ACTS vì Hệ thống ACTS gặp sự cố:

- Tên doanh nghiệp: ..... Mã số thuế: .....

- Trụ sở chính tại: .....

- Số điện thoại: ..... Số fax: .....

2. Đề nghị cơ quan hải quan giải quyết cho doanh nghiệp sửa đổi/bổ sung thông tin trên Tờ khai hải quan như sau:

a) Số tờ khai hải quan: .....

b) Thông tin sửa đổi/bổ sungthay đổi (đính kèm bản chụp các chứng từ chứng minh nội dung khai bổ sung):

STT	Tiêu chí	Nội dung ban đầu	Nội dung thay đổi	Lý do sửa đổi/bổ sung
1				
2				
3				
...				

3. Nội dung cam đoan:

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung khai báo sửa đổi/bổ sung và cam kết trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nộp văn bản thông báo này sẽ thực hiện khai bổ sung thông tin tờ khai hải quan theo đúng quy định.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số . ../BBCN/GSQL

CỤC HẢI QUAN.....
CHI CỤC HẢI QUAN....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../BB

BIÊN BẢN CHỨNG NHẬN

Hôm nay, hồi .....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

Tại.....

Chúng tôi gồm:

1/.....Chức vụ.....Đơn vị.....

2/.....Chức vụ.....Đơn vị.....

Chứng nhận rằng [2]:

Lô hàng khai báo theo tờ khai quá cảnh hải quan ACTS số.....ngày.....có các thông tin chi tiết như sau:

- Tên hàng:.....
- Số lượng:.....
- Chủng loại:.....
- Ký mã hiệu:.....
- Xuất xứ:.....
- Hải quan quốc gia nơi hàng hóa quá cảnh xuất phát:
- Hải quan quốc gia nới hàng hóa quá cảnh đến đích:
- Hàng hóa không thể thực hiện niêm phong hải quan vì...

Biên bản được lập thành.....bản; mỗi bản gồm.....trang; có nội dung như nhau. Đã giao cho.....01 bản.

Hai Bên thống nhất về các nội dung trong biên bản và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có) [3]:

.....

.....

.....

.....

Đại diện doanh nghiệp
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chi cục Hải quan
(Ký, ghi rõ họ tên)

---

[2] *Ghi nội dung sự việc cần chứng nhận.*
[3] *Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.*

PHỤ LỤC II
MẪU THÔNG TIN CHỨNG TỪ QUÁ CẢNH KÈM THEO
(Ban hành kèm...)

1. Danh sách các thông tin khai báo

1	Transit accompanying document (TAD)/ Chứng từ quá cảnh kèm theo
2	Container identifier, marks and number of packages, number and type of packages and description of goods/ Số container, ký hiệu và số kiện hàng, số và loại kiện hàng, mô tả hàng hóa
3	Other information covering the liability of goods to specific requirements/ Thông tin khác bao gồm trách nhiệm đối với hàng hóa theo từng yêu cầu cụ thể
4	Change of conveyance/ container Thay đổi phương tiện vận tải/ Container
5	Certification by competent authority/ Chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền
6	Intended Customs offices of transit/ Cơ quan Hải quan quá cảnh dự kiến
7	Guarantee details/ Thông tin bảo lãnh
8	Control by Customs office of departure/ Quản lý bởi Cơ quan Hải quan nước đi
9	Control by Customs office of destination/ Quản lý bởi Cơ quan Hải quan nước đến

2. Chỉ tiêu thông tin tờ khai

ACTS - ASEAN CUSTOMS TRANSIT SYSTEM/ HỆ THỐNG QUÁ CẢNH HẢI QUAN		
TRANSIT ACCOMPANYING DOCUMENT (TAD)/ CHỨNG TỪ QUÁ CẢNH KÈM THEO		
1. Declaration/ Tờ khai		

- Type/ Loại hình		
2. Consignor/ Doanh nghiệp xuất khẩu		
- TIN/ Mã định danh doanh nghiệp		
3. Forms/ Mẫu		
4. Total items/ Tổng số mặt hàng		
5. Total packages/ Tổng số kiện		
6. Consignee/ Doanh nghiệp nhập khẩu		
- TIN/ Mã định danh doanh nghiệp		
7. Total gross weight (kg)/ Tổng trọng lượng (kg)		
8. Proposed date of departure/ Ngày khởi hành dự kiến		
9. Date of release for transit/ Ngày giải phóng hàng		
10. Trader reference/Contact details (Thông tin doanh nghiệp/ Thông tin liên hệ)		
11. Proposed countries of transit/ Nước quá cảnh dự kiến		
12. Country of destination/ Nước đến		x
13. Identification of means of transport/ Số hiệu phương tiện vận chuyển		
14. Container		
15. Office of Departure/ Cơ quan khởi hành		x
16. Nationality of means of transport/ Quốc tịch của phương tiện vận tải		
17. Mode of Transport/ Phương thức vận chuyển		x
18. Place of loading/ Địa điểm xếp hàng		x
19. Office of Exit/ Cơ quan xuất cảnh		x
20. Location of goods/ Địa điểm của hàng hóa		
21. Container identifier, marks and number of packages, number and type of packages and description of goods/ Số container, ký hiệu và số kiện hàng, số và loại kiện hàng, mô tả hàng hóa		
22. Item No/ Tên hàng số		
23. Commodity Code/ Mã hàng hóa		x
24. Currency Code/ Mã tiền tệ		x
25. Invoice value/ Giá trị hóa đơn		

26. Gross weight (kg)/ Tổng trọng lượng (kg)		
27. Net weight (kg)/ Trọng lượng tịnh (kg)		
28. Supplementary Unit/ Đơn vị bổ sung		x
29. Country of origin/ Nước xuất xứ		x
30. Country of origin code/ Mã nước xuất xứ		x
31. Other information covering the liability of goods to specific requirements/ Thông tin khác bao gồm trách nhiệm đối với hàng hóa theo từng yêu cầu cụ thể		
32. Change of conveyance/ container (Thay đổi phương tiện vận tải/ Container)		
- Place and country/ Địa điểm và quốc gia		x
- Code/ Mã		x
- Identity and nationality of new means of transport/ Số hiệu và nước của phương tiện vận chuyển mới		
- Code/ Mã		
- New container (yes/ no)? Container mới (Có/ không)?		
- Identity of new container/ Mã container mới		
- Place and country/ Địa điểm và quốc gia		x
- Code/ Mã		x
- Identity and nationality of new means of transport/ Số hiệu và nước của phương tiện vận chuyển mới		
- Code/ Mã		
- New container (yes/ no)? Container mới (Có/ không)?		
- Identity of new container/ Mã container mới		
33. Certification by competent authority/ Chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền		

- New seals/ Kẹp chì mới		
- Number/ Số		
- Serial number/ Số seri		
- Name and signature/ Tên và chữ ký		
- Stamp/ Dấu		
- New seals/ Kẹp chì mới		
- Number/ Số		
- Serial number/ Số seri		
- Name and signature/ Tên và chữ ký		
- Stamp/ Dấu		
34. Principal/ Chủ hàng		
- TIN/ Số định danh doanh nghiệp		
- Represented by/ Người đại diện		
- Place and date/ Địa điểm và thời gian		
35. Other incidents during carriage; details and measures taken/ Sự cố khác trong quá trình vận chuyển; chi tiết và các biện pháp được thực hiện		
- Details on reverse/ Chi tiết khác		
36. Certification by competent authorities/ Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền		
37. Intended Customs offices of transit/ Cơ quan Hải quan quá cảnh dự kiến		x
38. Guarantee details/ Thông tin bảo lãnh		
39. Countries not valid for guanrantee (code)/ Nước không có giá trị bảo lãnh (mã)		
40. Customs Office of Destination/ Cơ quan Hải quan nước đến		x
41. Control by Customs office of departure/ Quản lý bởi Cơ quan Hải quan nước đi		
- Result/ Kết quả		
- Seals affixed (Number)/ Kẹp chì đã đóng (số)		
- Serial number/ Số seri		
- Time limit (date) & ltinerary/ Thời hạn (ngày) & hành trình		
- Name and signature/ Tên và chữ ký		

- Stamp/ Dấu		
42. Control by Customs office of destination/ Quản lý bởi Cơ quan Hải quan nước đến		
- Date of arrival/ Ngày đến		
- Examination of seals/ Kiểm tra kẹp chì		
- Remarks/ Ghi chú		
43. Receipt registration under No./ Đăng ký biên nhận số		
- Name and signature/ Tên và chữ ký		
- Stamp/ Dấu		

Đã gửi kèm CV số 2810/BTC-TCHQ

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: /2019/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày tháng năm 2019*

NGHỊ ĐỊNH

Quy định thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống quá cảnh hải quan ASEAN để thực hiện Nghị định thư 7 về Hệ thống quá cảnh hải quan

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế ngày 26 tháng 11 năm 2014 và ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Để thực thi Nghị định thư 7 về Hệ thống quá cảnh hải quan;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống quá cảnh hải quan ASEAN để thực hiện Nghị định thư 7 về Hệ thống quá cảnh hải quan.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống quá cảnh hải quan ASEAN; Hệ thống quá cảnh hải quan ASEAN (gọi tắt là Hệ thống ACTS); chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp thực hiện hoạt động quá cảnh hàng hóa thông qua Hệ thống ACTS; bảo lãnh, đặt cọc và thu hồi nợ thuế hải quan đối với hàng hóa quá cảnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện quá cảnh hàng hóa thông qua Hệ thống ACTS.

2. Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan.

3. Cơ quan hải quan, công chức hải quan.

4. Cơ quan khác của Nhà nước trong việc phối hợp quản lý nhà nước về thực hiện hoạt động quá cảnh hàng hóa thông qua Hệ thống ACTS.

5. Tổ chức bảo lãnh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hệ thống ACTS là hệ thống công nghệ thông tin tích hợp do các nước thành viên ASEAN thiết lập và kết nối, trao đổi thông tin với nhau để thực hiện thủ tục quá cảnh điện tử, kiểm soát sự vận chuyển hàng hóa quá cảnh qua lãnh thổ của các nước thành viên ASEAN, hỗ trợ cơ quan hải quan các nước thành viên ASEAN tính tiền thuế hải quan, tiền bảo lãnh và trao đổi thông tin thu hồi nợ thuế hải quan trên cơ sở Nghị định thư 7.

2. Tờ khai hải quan quá cảnh là tờ khai hải quan điện tử gồm các chỉ tiêu thông tin mà người khai hải quan phải khai khi thực hiện thủ tục quá cảnh trên Hệ thống ACTS.

3. Chứng từ đi kèm hàng quá cảnh (viết tắt là TAD) là tờ khai hải quan quá cảnh đã được cơ quan hải quan thông quan và in ra từ Hệ thống ACTS.

4. Bảo lãnh quá cảnh là sự đảm bảo của người bảo lãnh về thanh toán tiền nợ thuế hải quan có thể phát sinh trong quá trình vận chuyển hàng hóa quá cảnh.

5. Bảo lãnh riêng là việc người bảo lãnh cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về tiền thuế hải quan có thể phát sinh đối với hàng hóa quá cảnh của một tờ khai hải quan quá cảnh trong một hành trình vận chuyển hàng hóa quá cảnh.

6. Bảo lãnh chung là việc người bảo lãnh cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về tiền thuế hải quan và các khoản phải nộp khác phát sinh đối với hai tờ khai hải quan quá cảnh trở lên của nhiều hành trình vận chuyển hàng hóa quá cảnh.

7. Người bảo lãnh là pháp nhân, hoặc thể nhân cam kết với cơ quan hải quan nước đi, cơ quan hải quan nước quá cảnh, cơ quan hải quan nước đến về việc phải thanh toán bất kỳ khoản tiền thuế hải quan có thể phát sinh theo yêu cầu của cơ quan hải quan trong quá trình vận chuyển hàng hóa quá cảnh.

8. Người bảo lãnh tại Việt Nam (trong trường hợp hàng hóa quá cảnh xuất phát từ Việt Nam qua các nước ASEAN khác) là tổ chức tín dụng hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng đảm bảo cam kết với cơ quan hải quan Việt Nam, cơ quan hải quan nước quá cảnh, cơ quan hải quan nước đến về

việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp khoản tiền thuế hải quan có thể phát sinh trong quá trình vận chuyển hàng hóa quá cảnh.

9. "Cơ quan giám sát bảo lãnh' là cơ quan được các nước thành viên ASEAN tham gia Nghị định thư 7 chỉ định thực hiện giám sát việc bảo lãnh vận chuyển hàng hóa quá cảnh.

Cơ quan giám sát bảo lãnh tại Việt Nam: là cơ quan hải quan.

10. Nợ thuế hải quan là tiền thuế nhập khẩu, thuế khác và các khoản phí, lệ phí phải nộp phát sinh đối với hàng hóa quá cảnh trong quá trình vận chuyển.

11. Hỗ trợ thu hồi nợ thuế hải quan là việc cơ quan hải quan các nước ASEAN thuộc bên ký kết tham gia hỗ trợ thu hồi nợ thuế hải quan phát sinh trong quá trình vận chuyển quá cảnh tại lãnh thổ của Bên ký kết không phải là nơi cư trú của người quá cảnh hàng hóa.

12. Cơ quan thu hồi nợ thuế hải quan, cơ quan hỗ trợ thu hồi nợ thuế hải quan hoặc yêu cầu hỗ trợ thu hồi nợ thuế hải quan tại Việt Nam là cơ quan hải quan.

13. Bất thường trong hành trình quá cảnh bao gồm: hành trình quá cảnh quy định ban đầu bị thay đổi; niêm phong bị dỡ bỏ trong quá trình quá cảnh hoặc hàng hóa phải chuyển sang phương tiện vận tải khác vì lý do khách quan ngoài khả năng kiểm soát của người vận chuyển; tình huống nguy hiểm sắp xảy ra đòi hỏi phải dỡ ngay lập tức một phần hoặc toàn bộ hàng hóa trên phương tiện vận tải; các trường hợp khác ảnh hưởng đến việc hoàn thành hoạt động quá cảnh thông quan Hệ thống ACTS.

Điều 4. Người khai hải quan đối với hàng hóa quá cảnh thông qua hệ thống ACTS

Người khai hải quan đối với hàng hóa quá cảnh theo quy định tại Nghị định này (sau đây gọi tắt là người khai hải quan) gồm:

1. Chủ hàng hóa quá cảnh.

2. Người thực hiện dịch vụ quá cảnh hàng hóa.

3. Đại lý làm thủ tục hải quan.

4. Chủ phương tiện hoặc người điều khiển phương tiện vận tải chở hàng quá cảnh hoặc người được chủ phương tiện vận tải chở hàng quá cảnh ủy quyền.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của người khai hải quan

1. Quyền của người khai hải quan.

a) Được cơ quan hải quan hướng dẫn làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa quá cảnh theo quy định tại Nghị định này;

b) Được lựa chọn làm thủ tục hải quan quá cảnh hàng hóa thông qua Hệ thống ACTS quy định tại Nghị định này hoặc theo thủ tục hải quan quá cảnh thông thường theo quy định của pháp luật hiện hành của Việt Nam;

c) Được sử dụng phần mềm kết nối với hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan hải quan để làm thủ tục quá cảnh hàng hóa thông qua Hệ thống ACTS.

2. Nghĩa vụ của người khai hải quan.

a) Chịu trách nhiệm kê khai đầy đủ, chính xác, trung thực các chỉ tiêu thông tin trên tờ khai hải quan quá cảnh hàng hóa thông qua Hệ thống ACTS;

b) Tuân thủ theo các quy định về quá cảnh hàng hóa theo quy định tại Nghị định này và pháp luật khác có liên quan;

c) Vận chuyển hàng hóa theo đúng tuyến đường, cửa khẩu theo quy định và thời gian đăng ký với cơ quan hải quan nước đi;

d) Không được tự ý mở niêm phong hải quan khi chưa có sự cho phép của cơ quan hải quan;

đ) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế hải quan, thuế khác và các khoản phí, lệ phí phải nộp phát sinh đối với hàng hóa quá cảnh;

e) Tìm hiểu, nghiên cứu thông tin về chính sách quản lý đối với hàng hóa quá cảnh của các nước dự kiến thực hiện hoạt động quá cảnh và xin cấp giấy phép quá cảnh (nếu có) trước khi thực hiện khai báo trên Hệ thống ACTS. Thông tin về giấy phép quá cảnh của hàng hóa quá cảnh phải được khai trên Hệ thống ACTS khi đăng ký tờ khai hải quan quá cảnh và xuất trình cho cơ quan hải quan nơi làm thủ tục quá cảnh hàng hóa trong trường hợp cơ quan hải quan yêu cầu;

g) Thông báo cho cơ quan hải quan những bất thường xảy ra trong hành trình quá cảnh sau khi đã áp dụng các biện pháp cần thiết để hạn chế và ngăn ngừa tổn thất xảy ra theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 Nghị định này;

h) Lưu trữ hồ sơ hải quan, sổ sách, chứng từ kế toán và các chứng từ khác có liên quan đến hàng hóa quá cảnh trong thời hạn 05 năm kể từ ngày đăng ký Tờ khai quá cảnh hải quan trên Hệ thống ACTS.

Điều 6. Quy định về hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống ACTS

1. Hàng hóa quá cảnh xuất phát từ Việt Nam, quá cảnh qua các nước thành viên ASEAN khác phải đảm bảo chính sách quản lý đối với hàng hóa quá cảnh của nước quá cảnh. Đối với hàng hóa áp dụng tính thuế theo mức thuế tuyệt đối hoặc hỗn hợp thì không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định này và phải thực hiện theo quy định hiện hành về hàng hóa quá cảnh thông thường.

2. Hàng hóa quá cảnh qua các nước thành viên ASEAN khác và nhập khẩu vào Việt Nam phải tuân thủ chính sách quản lý đối với hàng quá cảnh của các nước thành viên khác và chính sách quản lý đối với hàng hóa nhập khẩu của pháp luật Việt Nam.

3. Hàng hóa quá cảnh qua Việt Nam phải tuân thủ chính sách quản lý đối với hàng hóa quá cảnh theo quy định của pháp luật Việt Nam tại thời điểm thực hiện hoạt động quá cảnh.

4. Chỉ kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm.

5. Việc thu phí, lệ phí tại Việt Nam đối với hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống ACTS thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Thời hạn thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống ACTS đảm bảo thời hạn theo quy định tại Điều 23 Luật Hải quan.

Điều 7. Địa điểm làm thủ tục hải quan thông qua Hệ thống ACTS

1. Địa điểm làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống ACTS được thực hiện tại:

a) Chi cục hải quan cửa khẩu, chi cục hải quan ngoài cửa khẩu đối với hàng hóa xuất phát từ Việt Nam quá cảnh qua các nước thành viên ASEAN khác, hàng hóa quá cảnh qua các nước thành viên ASEAN và nhập khẩu vào Việt Nam (Việt Nam là điểm đích).

Trường hợp hàng hóa quá cảnh qua các nước thành viên ASEAN và nhập khẩu vào Việt Nam thuộc danh mục hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục tại cửa khẩu nhập theo quy định của Thủ tướng Chính phủ thì thủ tục hải quan quá cảnh hàng hóa thông qua ACTS kết thúc tại Chi cục hải quan cửa khẩu quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Chi cục hải quan cửa khẩu nhập đối với hàng hóa quá cảnh từ các nước ngoài ASEAN quá cảnh qua Việt Nam để đến các nước thành viên ASEAN;

c) Chi cục hải quan cửa khẩu quy định tại khoản 2 Điều này đối với hàng hóa quá cảnh từ các nước thành viên ASEAN qua lãnh thổ Việt Nam đến các nước thành viên ASEAN khác;

d) Chi cục hải quan cửa khẩu nhập quy định tại khoản 2 Điều này đối với hàng hóa quá cảnh từ các nước thành viên ASEAN đến Việt Nam để tiếp tục vận chuyển đến nước ngoài ASEAN khác. Thủ tục quá cảnh ACTS kết thúc tại cửa khẩu quy định tại khoản 2 Điều này. Thủ tục hải quan để vận chuyển tiếp hàng hóa quá cảnh đến nước ngoài ASEAN được thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa quá cảnh thông thường theo quy định của pháp luật hiện hành của Việt Nam;

2. Hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống ACTS chỉ được đưa từ Việt Nam đến các nước thành viên ASEAN hoặc đưa từ các nước thành viên ASEAN vào Việt Nam qua các cửa khẩu quốc tế: Cầu Treo (Hà Tĩnh), Lao Bảo (Quảng Trị), Mộc Bài (Tây Ninh).

Chương II
THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA QUÁ CẢNH THÔNG QUA HỆ THỐNG ACTS

Điều 8. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất phát từ Việt Nam quá cảnh qua các nước thành viên ASEAN khác

1. Hồ sơ hải quan:

a) Tờ khai hải quan quá cảnh theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ Tài chính ban hành;

b) Giấy phép quá cảnh theo quy định của pháp luật của các nước thành viên ASEAN trong hành trình quá cảnh: 01 bản chính;

c) Thư bảo lãnh hoặc chứng từ đặt cọc tiền thuế: 01 bản chính;

Đối với trường hợp bảo lãnh chung, người khai hải quan nộp bản chính khi đăng ký tờ khai quá cảnh sử dụng bảo lãnh chung lần đầu, nộp bản chụp khi đăng ký tờ khai quá cảnh tiếp theo có sử dụng bảo lãnh chung đó.

d) Tờ khai xuất khẩu đã hoàn thành thủ tục xuất khẩu: 01 bản chụp.

2. Trách nhiệm của người khai hải quan:

Ngoài nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này, người khai hải quan thực hiện các trách nhiệm sau:

a) Khai đầy đủ thông tin tờ khai hải quan quá cảnh, danh sách hàng hóa quá cảnh kèm tờ khai hải quan quá cảnh (nếu có) và gửi kèm các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều này khi đăng ký tờ khai hải quan quá cảnh thông qua Hệ thống ACTS. Trường hợp hệ thống chưa có chức năng đính kèm chứng từ thuộc hồ sơ hải quan thì người khai hải quan nộp bản giấy cho cơ quan hải quan;

b) Xuất trình hàng hóa để cơ quan hải quan thực hiện niêm phong;

c) Xuất trình hàng hóa để kiểm tra thực tế hàng hóa theo yêu cầu của cơ quan hải quan;

d) Khai bổ sung tờ khai hải quan quá cảnh theo quy định tại Điều 10 Nghị định này;

đ) Trường hợp doanh nghiệp quá cảnh được công nhận là doanh nghiệp ưu tiên theo quy định tại Nghị định này thì việc xuất trình hồ sơ hải quan, hàng hóa để cơ quan hải quan kiểm tra được thực hiện tại trụ sở của doanh nghiệp (đối với kiểm tra hồ sơ) và tại nơi lưu giữ hàng hóa của doanh nghiệp (đối với kiểm tra thực tế hàng hóa) và người khai hải quan thực hiện nhập số niêm phong đặc biệt thông qua Hệ thống ACTS trước khi hàng hóa quá cảnh được thông quan;

e) Trường hợp xảy ra bất thường trong hành trình quá cảnh, người vận chuyển quá cảnh áp dụng các biện pháp cần thiết để hạn chế ngăn ngừa thiệt hại xảy ra và thông báo cho cơ quan hải quan theo số điện thoại đường dây nóng trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan.

Trường hợp không thể thông báo ngay với cơ quan hải quan thì tùy theo địa bàn thích hợp, người vận chuyển thông báo ngay với cơ quan công an hoặc bộ đội biên phòng hoặc chính quyền địa phương, sau đó thông báo lại cho cơ quan hải quan để xử lý theo quy định. Cơ quan công an hoặc bộ đội biên phòng hoặc chính quyền địa phương tại địa bàn xảy ra bất thường căn cứ tình hình thực tế để thực hiện xác nhận bất thường và ký tên, đóng dấu vào ô 33 trên TAD sau khi nhận được thông báo của người vận chuyển.

3. Trách nhiệm của Chi cục hải quan ngoài cửa khẩu (Chi cục hải quan điểm đi) trong trường hợp thủ tục hải quan đối với hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống ACTS thực hiện tại Chi cục hải quan ngoài cửa khẩu:

a) Trường hợp lô hàng phải kiểm tra hồ sơ hải quan, Chi cục hải quan điểm đi kiểm tra các chỉ tiêu thông tin của tờ khai quá cảnh đã được hệ thống xác nhận, cấp số tham chiếu ACTS (ARN) và các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan.

Trường hợp kiểm tra các chỉ tiêu thông tin khai báo đầy đủ, phù hợp thì cơ quan hải quan thực hiện quy định tại điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e và điểm g khoản này.

Trường hợp kiểm tra các chỉ tiêu thông tin khai báo chưa đầy đủ, phù hợp thì Chi cục hải quan điểm đi hướng dẫn người khai hải quan khai bổ sung các thông tin còn thiếu, chưa đầy đủ thông qua Hệ thống ACTS theo quy định tại Điều 10 Nghị định này và xử lý vi phạm (nếu có).

Trường hợp kiểm tra có dấu hiệu nghi vấn thì yêu cầu người khai hải quan xuất trình hàng hóa để kiểm tra thực tế theo quy định tại điểm b khoản này;

b) Trường hợp lô hàng phải kiểm tra thực tế hàng hóa, cơ quan hải quan kiểm tra thông tin của tờ khai quá cảnh đã được hệ thống xác nhận, cấp số tham chiếu ACTS (ARN) và các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan với thực tế hàng hóa, nếu kết quả kiểm tra thực tế phù hợp với khai báo thì Chi cục hải quan điểm đi

thực hiện thủ tục hải quan theo quy định tại điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e và điểm g Khoản này.

Trường hợp kết quả kiểm tra thực tế không phù hợp với nội dung khai báo thì giao Chi cục trưởng Chi cục hải quan điểm đi căn cứ thực tế kết quả kiểm tra để xem xét, quyết định việc tiếp tục thủ tục quá cảnh trên hệ thống hoặc dừng làm thủ tục quá cảnh trên hệ thống và xử lý vi phạm (nếu có);

c) Đối chiếu số lượng (thực tế hàng hóa do người khai hải quan xuất trình), số hiệu container với thông tin khai trên tờ khai hải quan quá cảnh; thực hiện niêm phong container và nhập số niêm phong hải quan lên Hệ thống ACTS.

Trường hợp doanh nghiệp quá cảnh được công nhận là doanh nghiệp ưu tiên thì việc nhập số niêm phong đặc biệt do người khai hải quan thực hiện thông qua Hệ thống ACTS trước khi hàng hóa quá cảnh được thông quan.

Trường hợp hàng hóa không thể niêm phong như hàng rời, hàng siêu trường, siêu trọng, hàng cồng kềnh thì Chi cục hải quan điểm đi lập Biên bản chứng nhận theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành và ghi nhận thông tin chi tiết về tên hàng, số lượng, chủng loại, ký mã hiệu, xuất xứ (nếu có) vào Hệ thống ACTS;

d) Chi cục hải quan điểm đi xác nhận thời hạn của hành trình quá cảnh theo đăng ký của người khai hải quan thông qua Hệ thống ACTS để cơ quan hải quan các nước quá cảnh và cơ quan hải quan tại điểm đích theo dõi;

đ) In TAD từ Hệ thống ACTS để sử dụng làm chứng từ đi kèm hàng hóa quá cảnh giao cho người khai hải quan;

e) Phê duyệt hàng hóa được vận chuyển quá cảnh trên Hệ thống ACTS;

g) Theo dõi, phối hợp với các cơ quan liên quan (cơ quan bảo lãnh, hải quan cửa khẩu xuất, hải quan nước quá cảnh và hải quan nước đến) để xử lý những bất thường xảy ra trong quá trình quá cảnh hàng hóa theo quy định.

4. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất (Chi cục hải quan quá cảnh) trong trường hợp thủ tục quá cảnh hàng hóa được thực hiện tại Chi cục Hải quan ngoài cửa khẩu:

a) Kiểm tra đối chiếu thông tin trên TAD do khai hải quan xuất trình với thông tin trên Hệ thống ACTS;

b) Kiểm tra nguyên trạng hàng hóa; kiểm tra niêm phong hải quan hoặc niêm phong của doanh nghiệp đối với trường hợp hàng hóa quá cảnh của doanh nghiệp ưu tiên.

Trường hợp kết quả kiểm tra không phát hiện có dấu hiệu vi phạm thì Chi cục hải quan quá cảnh phê duyệt hàng hóa tiếp tục hành trình quá cảnh và xác nhận hàng hóa quá cảnh đã qua biên giới trên Hệ thống ACTS.

Trường hợp kết quả kiểm tra phát hiện có dấu hiệu vi phạm về niêm phong, hàng hóa không còn nguyên trạng thì Chi cục hải quan quá cảnh phối hợp với Chi cục hải quan điểm đi xác minh, làm rõ, tiến hành kiểm tra thực tế hàng hóa và ghi nhận kết quả kiểm tra trên Hệ thống. Chi cục trưởng Chi cục hải quan quá cảnh căn cứ mức độ vi phạm để xem xét, quyết định việc cho phép tiếp tục hành trình quá cảnh hoặc dừng làm thủ tục quá cảnh trên Hệ thống ACTS và xử lý vi phạm (nếu có). Trường hợp cho phép tiếp tục hành trình quá cảnh thì thực hiện cập nhật niêm phong mới thông qua Hệ thống ACTS, giám sát và xác nhận hàng hóa quá cảnh đã qua biên giới trên Hệ thống ACTS.

5. Trách nhiệm của Chi cục hải quan cửa khẩu (Chi cục hải quan điểm đi) trong trường hợp thủ tục quá cảnh hàng hóa được thực hiện tại Chi cục Hải quan cửa khẩu:

a) Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Xác nhận hàng hóa quá cảnh đã thực xuất trên Hệ thống ACTS.

Điều 9. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa quá cảnh từ các nước ngoài ASEAN quá cảnh qua Việt Nam để đến các nước thành viên ASEAN

1. Hồ sơ hải quan:

a) Chứng từ TAD;

b) Giấy phép quá cảnh theo quy định của pháp luật Việt Nam: 01 bản chính;

c) Giấy thông báo miễn kiểm dịch hoặc Thông báo kết quả kiểm dịch của cơ quan kiểm dịch đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật về kiểm dịch hoặc chứng từ kiểm dịch do cơ quan kiểm dịch nước ngoài phát hành và được pháp luật về kiểm dịch công nhận đối với trường hợp hàng quá cảnh phải kiểm dịch: 01 bản chính;

d) Giấy phép quá cảnh theo quy định của pháp luật của các nước thành viên ASEAN trong hành trình quá cảnh: 01 bản chính;

đ) Thư bảo lãnh hoặc chứng từ đặt cọc tiền thuế: 01 bản chính.

2. Trách nhiệm của người khai hải quan:

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này.

3. Trách nhiệm của Chi cục hải quan cửa khẩu nhập (Chi cục hải quan điểm đi): Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định này.

4. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất (Chi cục hải quan quá cảnh): Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định này.

Điều 10. Khai bổ sung hồ sơ hải quan quá cảnh

1. Các trường hợp khai bổ sung tờ khai hải quan quá cảnh:

a) Người khai hải quan tự phát hiện sai sót trước thời điểm Chi cục hải quan điểm đi thông báo kiểm tra hồ sơ hải quan, kiểm tra thực tế hàng hóa hoặc trước khi thông quan hàng hóa;

b) Chi cục hải quan điểm đi kiểm tra, phát hiện sai sót và yêu cầu khai bổ sung trước khi cho phép tiếp tục thực hiện hành trình quá cảnh thông qua Hệ thống ACTS.

2. Trách nhiệm của người khai hải quan:

a) Khai bổ sung các chỉ tiêu thông tin của tờ khai hải quan quá cảnh, danh sách hàng hóa quá cảnh kèm tờ khai hải quan quá cảnh (nếu có) và nộp các chứng từ liên quan đến việc khai bổ sung qua Hệ thống ACTS. Trường hợp hệ thống chưa có chức năng đính kèm chứng từ liên quan đến việc khai bổ sung thì người khai hải quan nộp bản giấy cho cơ quan hải quan;

b) Trường hợp hệ thống gặp sự cố, người khai hải quan nộp 02 bản chính văn bản đề nghị khai bổ sung theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành và 01 bản chụp các chứng từ chứng minh nội dung khai bổ sung.

3. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan:

a) Tiếp nhận thông tin hồ sơ khai bổ sung; kiểm tra hồ sơ khai bổ sung, thông báo kết quả kiểm tra hồ sơ khai bổ sung đến người khai hải quan thông qua Hệ thống ACTS trong thời hạn 02 giờ làm việc, kể từ khi tiếp nhận đủ thông tin hoặc hồ sơ (nếu có), xử lý vi phạm theo quy định (nếu có);

b) Trường hợp lô hàng phải kiểm tra thực tế thì thực hiện quy định tại điểm b khoản 3 Điều 8 Nghị định này. Trường hợp lô hàng không phải kiểm tra thực tế thì thực hiện quy định tại điểm c, điểm d, điểm đ Điều 8 Nghị định này;

c) Trường hợp hệ thống gặp sự cố, cơ quan hải quan tiếp nhận hồ sơ khai bổ sung, ghi rõ ngày, giờ tiếp nhận hồ sơ khai bổ sung; thông báo kết quả kiểm tra và xác nhận hàng hóa đủ điều kiện để vận chuyển đi trên văn bản đề nghị khai bổ sung của người khai hải quan trong thời hạn 02 giờ kể từ khi tiếp nhận đủ hồ sơ khai bổ sung; trả lại cho người khai hải quan 01 bản đề nghị khai bổ sung có xác nhận của cơ quan hải quan; phê duyệt hàng hóa được vận chuyển quá cảnh trên Hệ thống ACTS.

Điều 11. Hủy tờ khai hải quan quá cảnh

1. Các trường hợp hủy tờ khai hải quan quá cảnh:

a) Quá thời hạn 15 ngày kể từ ngày tờ khai được cấp số tham chiếu ACTS (ARN) nhưng không xuất trình hàng hóa để cơ quan hải quan thực hiện niêm phong hoặc lập Biên bản chứng nhận (trường hợp không thể niêm phong được)

hoặc không đưa hàng đến cửa khẩu xuất (trường hợp doanh nghiệp quá cảnh ưu tiên);

b) Quá 15 ngày kể từ ngày tờ khai được cấp số tham chiếu ACTS (ARN) nhưng chưa được cơ quan hải quan phê duyệt do Hệ thống ACTS có sự cố;

c) Trường hợp Chi cục hải quan cửa khẩu xuất dừng làm thủ tục quá cảnh trên Hệ thống ACTS theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 8 Nghị định này;

d) Khai nhiều tờ khai cho cùng một lô hàng (khai trùng thông tin tờ khai); khai sai các thông tin trong tờ khai và người khai hải quan đề nghị hủy tờ khai.

2. Trách nhiệm của người khai hải quan: Gửi đề nghị hủy thông qua Hệ thống ACTS cho Chi cục Hải quan điểm đi.

3. Trách nhiệm Chi cục hải quan điểm đi:

a) Trong thời hạn 08 giờ làm việc, kể từ khi nhận được đề nghị hủy của người khai hải quan, Chi cục Hải quan điểm đi kiểm tra lý do, điều kiện và thông tin đề nghị hủy trên Hệ thống ACTS, thực hiện hủy và phản hồi kết quả cho người khai hải quan trên Hệ thống ACTS;

b) Hết thời hạn 15 ngày theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này mà người khai hải quan không đề nghị hủy, Chi cục hải quan điểm đi thực hiện hủy tờ khai và thông báo kết quả xử lý cho người khai hải quan trên Hệ thống ACTS;

c) Trường hợp người khai hải quan đề nghị hủy tờ khai quá cảnh nhưng Chi cục hải quan điểm đi có thông tin vi phạm pháp luật liên quan đến lô hàng, việc cho phép hủy tờ khai chỉ được thực hiện sau khi cơ quan hải quan xác định lô hàng không vi phạm pháp luật và đã hoàn thành việc xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa quá cảnh qua các nước ASEAN và nhập khẩu vào Việt Nam hoặc hàng hóa quá cảnh từ các nước thành viên ASEAN quá cảnh qua Việt Nam đến các nước ngoài ASEAN (Việt Nam là điểm đích của hành trình quá cảnh ACTS)

1. Hồ sơ hải quan:

Chứng từ TAD (có xác nhận của cơ quan hải quan các nước ASEAN trong hành trình lô hàng quá cảnh đi qua trong trường hợp Hệ thống có sự cố): 01 bản chính;

2. Trách nhiệm của người khai hải quan:

a) Gửi thông báo hàng hóa quá cảnh qua biên giới cho Chi cục hải quan cửa khẩu được quy định tại điểm 2 Điều 7 thông qua Hệ thống ACTS (trường hợp điểm đích hành trình quá cảnh kết thúc trong nội địa);

b) Gửi thông báo hàng hóa đến đích cho hải quan điểm đích thông qua Hệ thống ACTS trong trường hợp điểm đích hành trình quá cảnh kết thúc tại cửa khẩu hoặc trường hợp điểm đích hành trình quá cảnh kết thúc trong nội địa;

c) Xuất trình hàng hóa kèm theo hồ sơ hải quan quy định tại khoản 1 Điều này cho Chi cục hải quan quá cảnh và Chi cục hải quan điểm đích để kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan hải quan;

d) Đề nghị Chi cục hải quan điểm đích xác nhận kết thúc hoạt động quá cảnh trên TAD và lưu hồ sơ;

đ) Trường hợp xảy ra bất thường trong hành trình quá cảnh, người vận chuyển quá cảnh áp dụng các biện pháp cần thiết để hạn chế ngăn ngừa thiệt hại xảy ra và thông báo cho cơ quan hải quan theo số điện thoại đường dây nóng trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan.

Trường hợp không thể thông báo ngay với cơ quan hải quan thì tùy theo địa bàn thích hợp, người vận chuyển thông báo ngay với cơ quan công an hoặc bộ đội biên phòng hoặc chính quyền địa phương, sau đó thông báo lại cho cơ quan hải quan để xử lý theo quy định. Cơ quan công an hoặc bộ đội biên phòng hoặc chính quyền địa phương tại địa bàn xảy ra bất thường căn cứ tình hình thực tế để thực hiện xác nhận bất thường và ký tên, đóng dấu vào ô 33 của TAD sau khi nhận được thông báo của người vận chuyển.

3. Trách nhiệm của Chi cục hải quan cửa khẩu nhập được quy định tại điểm 2 Điều 7 (Chi cục hải quan điểm đích) trong trường hợp thủ tục quá cảnh thông qua Hệ thống ACTS kết thúc tại cửa khẩu nhập:

a) Tiếp nhận hồ sơ hải quan quy định tại khoản 1 Điều này; thực hiện kiểm tra niêm phong hải quan, nguyên trạng hàng hóa;

b) Thực hiện kiểm tra hồ sơ hải quan, kiểm tra thực tế hàng hóa đối với trường hợp lô hàng phải kiểm tra hồ sơ hải quan, kiểm tra thực tế.

Trường hợp kết quả kiểm tra phù hợp, thông quan lô hàng và gửi thông tin "Kết quả kiểm tra không phát hiện vi phạm" cho cơ quan hải quan tại điểm đi ở nước ngoài thông qua Hệ thống ACTS để kết thúc hành trình quá cảnh.

Trường hợp kết quả kiểm tra không phù hợp, gửi yêu cầu xác minh thông qua Hệ thống ACTS đến cơ quan hải quan tại điểm đi ở nước ngoài để thực hiện xác minh và chỉ thực hiện thông quan hàng hóa khi thông tin yêu cầu xác minh được làm rõ và xử lý vi phạm (nếu có);

c) Cập nhật thông tin ngày hàng hóa đến, kết quả kiểm tra hàng hóa vào Hệ thống ACTS và gửi "thông báo đến" cho cơ quan hải quan tại điểm đi ở nước ngoài và cơ quan hải quan các nước quá cảnh hoặc cơ quan hải quan điểm

đích ban đầu trong trường hợp thay đổi cơ quan hải quan đích thông qua Hệ thống ACTS để kết thúc hoạt động quá cảnh;

d) Thực hiện thủ tục nhập khẩu hàng hóa hoặc thủ tục quá cảnh hàng hóa theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này (Chi cục Hải quan quá cảnh) trong trường hợp thủ tục quá cảnh thông qua Hệ thống ACTS kết thúc tại Chi cục Hải quan khác (Chi cục Hải quan điểm đích):

a) Tiếp nhận hồ sơ hải quan quy định tại khoản 1 Điều này; thực hiện kiểm tra niêm phong hải quan, nguyên trạng hàng hóa;

Trường hợp kết quả kiểm tra không phát hiện có dấu hiệu vi phạm thì Chi cục hải quan quá cảnh phê duyệt hàng hóa tiếp tục hành trình quá cảnh.

Trường hợp kết quả kiểm tra phát hiện có dấu hiệu vi phạm về niêm phong, hàng hóa không còn nguyên trạng thì Chi cục hải quan quá cảnh phối hợp với Chi cục hải quan điểm đi xác minh, làm rõ, tiến hành kiểm tra thực tế hàng hóa và ghi nhận kết quả kiểm tra trên Hệ thống. Chi cục trưởng Chi cục hải quan quá cảnh căn cứ mức độ vi phạm để xem xét, quyết định việc cho phép tiếp tục hành trình quá cảnh hoặc dừng làm thủ tục quá cảnh trên Hệ thống ACTS và xử lý vi phạm (nếu có). Trường hợp cho phép tiếp tục hành trình quá cảnh thì thực hiện cập nhật niêm phong mới thông qua Hệ thống ACTS, giám sát và xác nhận hàng hóa quá cảnh đã thực xuất trên Hệ thống ACTS;

b) Thực hiện kiểm tra hồ sơ hải quan, kiểm tra thực tế hàng hóa đối với trường hợp lô hàng phải kiểm tra hồ sơ hải quan, kiểm tra thực tế.

Trường hợp kết quả kiểm tra xác định hàng hóa không thuộc trường hợp được làm thủ tục quá cảnh thông qua hệ thống ACTS tại Chi cục Hải quan ngoài cửa khẩu thì yêu cầu người khai hải quan kết thúc thủ tục quá cảnh thông qua Hệ thống ACTS tại cửa khẩu.

Trường hợp kết quả kiểm tra phù hợp, thực hiện cập nhật kết quả kiểm tra và phê duyệt hàng hóa được tiếp tục vận chuyển quá cảnh đến điểm đích trên Hệ thống ACTS.

Trường hợp kết quả kiểm tra không phù hợp, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu căn cứ mức độ vi phạm để xem xét, quyết định việc cho phép tiếp tục vận chuyển quá cảnh đến điểm đích trên Hệ thống hoặc kết thúc thủ tục quá cảnh trên Hệ thống ACTS và xử lý vi phạm (nếu có); cập nhật kết quả kiểm tra trên Hệ thống;

c) Thực hiện niêm phong hàng hóa sau khi kết thúc kiểm tra thực tế trong trường hợp hàng hóa được phép tiếp tục vận chuyển đến điểm đích và cập nhật số niêm phong trên Hệ thống.

5. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan điểm đích trong trường hợp thủ tục quá cảnh kết thúc tại Chi cục Hải quan ngoài cửa khẩu: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 13. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa quá cảnh từ các nước ASEAN qua lãnh thổ Việt Nam đến các nước ASEAN khác

1. Hồ sơ hải quan:

a) Chứng từ TAD (có xác nhận của cơ quan hải quan các nước ASEAN trong hành trình lô hàng quá cảnh đi qua trong trường hợp Hệ thống có sự cố): 01 bản chính;

b) Giấy phép quá cảnh theo quy định của pháp luật Việt Nam: 01 bản chính;

c) Giấy thông báo miễn kiểm dịch hoặc Thông báo kết quả kiểm dịch của cơ quan kiểm dịch đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật về kiểm dịch hoặc chứng từ kiểm dịch do cơ quan kiểm dịch nước ngoài phát hành và được pháp luật về kiểm dịch công nhận đối với trường hợp hàng quá cảnh phải kiểm dịch: 01 bản chính.

2. Trách nhiệm của người khai hải quan:

a) Gửi thông báo hàng hóa quá cảnh qua biên giới cho Chi cục hải quan cửa khẩu quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này (Chi cục hải quan quá cảnh) khi hàng đến Việt Nam thông qua Hệ thống ACTS;

b) Xuất trình hồ sơ hải quan quy định tại khoản 1 Điều này, hàng hóa cho Chi cục hải quan cửa khẩu nhập, cửa khẩu xuất (Chi cục hải quan quá cảnh) để kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan hải quan;

c) Trường hợp xảy ra bất thường trong hành trình quá cảnh, người vận chuyển quá cảnh áp dụng các biện pháp cần thiết để hạn chế ngăn ngừa thiệt hại xảy ra và thông báo cho cơ quan hải quan theo số điện thoại đường dây nóng trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan.

Trường hợp không thể thông báo ngay với cơ quan hải quan thì tùy theo địa bàn thích hợp, người vận chuyển thông báo ngay với cơ quan công an hoặc bộ đội biên phòng hoặc chính quyền địa phương, sau đó thông báo lại cho cơ quan hải quan để xử lý theo quy định. Cơ quan công an hoặc bộ đội biên phòng hoặc chính quyền địa phương tại địa bàn xảy ra bất thường căn cứ tình hình thực tế để thực hiện xác nhận bất thường và ký tên, đóng dấu vào ô 33 của TAD sau khi nhận được thông báo của người vận chuyển.

3. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập (Chi cục hải quan quá cảnh):

a) Kiểm tra đối chiếu thông tin trên TAD do khai hải quan xuất trình với thông tin trên Hệ thống ACTS;

b) Kiểm tra nguyên trạng hàng hóa; kiểm tra niêm phong hải quan hoặc niêm phong của doanh nghiệp đối với trường hợp hàng hóa quá cảnh của doanh nghiệp ưu tiên.

Trường hợp kết quả kiểm tra không phát hiện có dấu hiệu vi phạm thì Chi cục hải quan quá cảnh phê duyệt hàng hóa tiếp tục hành trình quá cảnh.

Trường hợp kết quả kiểm tra phát hiện có dấu hiệu vi phạm về niêm phong, hàng hóa không còn nguyên trạng thì Chi cục hải quan quá cảnh phối hợp với Chi cục hải quan điểm đi xác minh, làm rõ, tiến hành kiểm tra thực tế hàng hóa và ghi nhận kết quả kiểm tra trên Hệ thống. Chi cục trưởng Chi cục hải quan quá cảnh căn cứ mức độ vi phạm để xem xét, quyết định việc cho phép tiếp tục hành trình quá cảnh hoặc dừng làm thủ tục quá cảnh trên Hệ thống ACTS và xử lý vi phạm (nếu có). Trường hợp cho phép tiếp tục hành trình quá cảnh thì thực hiện cập nhật niêm phong mới thông qua Hệ thống ACTS, giám sát và xác nhận hàng hóa quá cảnh đã thực xuất trên Hệ thống ACTS;

c) Thực hiện phê duyệt hàng hóa tiếp tục được vận chuyển quá cảnh trên Hệ thống ACTS trong trường hợp lô hàng không phải kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hóa;

d) Trường hợp lô hàng phải kiểm tra hồ sơ hải quan, Chi cục hải quan quá cảnh kiểm tra các chỉ tiêu thông tin trên TAD và các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan:

Trường hợp kiểm tra các chỉ tiêu thông tin khai báo đầy đủ, phù hợp thì cơ quan hải quan thực hiện quy định tại điểm a khoản này.

Trường hợp kiểm tra có dấu hiệu nghi vấn thì yêu cầu người khai hải quan xuất trình hàng hóa để kiểm tra thực tế theo quy định tại điểm c khoản này;

đ) Trường hợp lô hàng phải kiểm tra thực tế hàng hóa, cơ quan hải quan kiểm tra thông tin trên TAD và các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan với thực tế hàng hóa, nếu kết quả kiểm tra thực tế phù hợp với khai báo thì Chi cục hải quan quá cảnh thực hiện cập nhật kết quả kiểm tra, số niêm phong hải quan trên hệ thống ACTS và quy định tại điểm a Khoản này.

Trường hợp kết quả kiểm tra thực tế không phù hợp với nội dung khai báo thì giao Chi cục trưởng Chi cục hải quan điểm đi căn cứ thực tế kết quả kiểm tra để xem xét, quyết định việc tiếp tục thủ tục quá cảnh trên hệ thống hoặc dừng làm thủ tục quá cảnh trên hệ thống và xử lý vi phạm (nếu có);

e) Theo dõi, phối hợp với Chi cục hải quan cửa khẩu xuất (hải quan quá cảnh) để xử lý những bất thường xảy ra trong quá trình quá cảnh hàng hóa theo quy định.

4. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất (Chi cục hải quan quá cảnh):

a) Thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ Khoản này;

b) Theo dõi, phối hợp với các cơ quan liên quan (cơ quan bảo lãnh, hải quan cửa khẩu xuất, hải quan nước quá cảnh và hải quan nước đến) để xử lý những bất thường xảy ra trong quá trình quá cảnh hàng hóa theo quy định.

Điều 14. Thủ tục xác minh việc hoàn thành hoạt động quá cảnh

1. Các trường hợp phải xác minh:

a) Cơ quan hải quan tại điểm đi không nhận được "thông báo hàng hóa đến" của cơ quan hải quan tại điểm đích trên Hệ thống ACTS trong thời hạn 2 ngày, kể từ ngày hết thời hạn đăng ký với cơ quan hải quan tại điểm đi;

b) Cơ quan hải quan tại điểm đi không nhận được xác nhận "các kết quả kiểm tra" trong thời hạn 6 ngày, kể từ ngày nhận được "thông báo hàng hóa đến" của cơ quan hải quan tại điểm đích;

c) Xác minh trong trường hợp cơ quan hải quan cần thu thập thông tin cần thiết để kết thúc hoạt động quá cảnh hoặc khi không thể xác minh thông tin liên quan đến tiền thuế hải quan và thu hồi nợ thuế đối với hàng hóa quá cảnh.

2. Cách thức xác minh việc hoàn thành hoạt động quá cảnh:

a) Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, cơ quan hải quan nơi hàng hóa quá cảnh xuất phát gửi yêu cầu thông qua Hệ thống ACTS cho cơ quan hải quan tại điểm đích xác nhận hàng hóa chưa được xuất trình tại điểm đích;

b) Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, cơ quan hải quan nơi hàng hóa quá cảnh xuất phát gửi yêu cầu thông qua Hệ thống ACTS cho cơ quan hải quan tại điểm đích xác nhận "các kết quả kiểm tra";

c) Đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này hoặc trong trường hợp cơ quan hải quan nơi hàng hóa quá cảnh xuất phát không nhận được xác nhận hoàn thành hoạt động quá cảnh trong thời hạn quy định hoặc thông tin xác nhận của cơ quan hải quan tại điểm đích không đủ căn cứ để xác định hoạt động quá cảnh đã được hoàn thành theo đúng quy định hoặc không thể xác minh thông tin liên quan đến tiền thuế hải quan và thu hồi nợ thuế thì cơ quan hải quan nơi hàng hóa quá cảnh xuất phát yêu cầu người khai hải quan cung cấp thông qua Hệ thống ACTS chứng từ, tài liệu xác định hàng hóa đã được xuất

trình tại cơ quan hải quan điểm đích hoặc đã được thực hiện theo thủ tục hải quan khác tại nước đích trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan hải quan.

3. Sau khi kết thúc việc xác minh và đã có đầy đủ chứng từ, tài liệu xác định hoạt động quá cảnh đã được hoàn thành đúng quy định dưới sự kiểm soát hải quan, cơ quan hải quan nơi hàng hóa quá cảnh xuất phát phải thông báo thông qua Hệ thống ACTS cho người khai hải quan, cơ quan hải quan tại điểm đích ban đầu trong trường hợp thay đổi cơ quan hải quan tại điểm đích của hành trình quá cảnh.

Điều 15. Giám sát hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống ACTS

1. Hàng hóa quá cảnh phải được niêm phong theo quy định. Trường hợp hàng hóa không thể niêm phong (hàng rời, hàng siêu trường, siêu trọng, hàng cồng kềnh,...) cơ quan hải quan lập Biên bản chứng nhận theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8 Nghị định này.

2. Hàng hóa quá cảnh thuộc diện phải có giấy phép quá cảnh của Thủ tướng Chính phủ thì phải được giám sát bằng phương tiện kỹ thuật hoặc được giám sát trực tiếp bởi công chức hải quan.

Điều 16. Niêm phong hàng hóa quá cảnh

1. Niêm phong hải quan.

Hàng hóa quá cảnh thực hiện thủ tục hải quan quá cảnh thông qua Hệ thống ACTS phải được niêm phong hải quan trừ các trường hợp hàng hóa không thể niêm phong hải quan (hàng rời, hàng hóa siêu trường, siêu trọng, hàng cồng kềnh) và hàng hóa quá cảnh của doanh nghiệp ưu tiên sử dụng niêm phong đặc biệt.

2. Niêm phong đặc biệt áp dụng đối với hàng hóa quá cảnh của doanh nghiệp ưu tiên thông qua Hệ thống ACTS nếu đáp ứng các điều kiện kỹ thuật sau:

a) Đảm bảo an toàn trong điều kiện sử dụng thông thường;

b) Dễ kiểm tra và dễ nhận dạng;

c) Bất cứ hoạt động nào nhằm phá vỡ và di chuyển nào đều để lại dấu vết có thể nhìn được bằng mắt thường;

d) Thiết kế để sử dụng 01 lần đối với niêm phong đặc biệt có thiết kế sử dụng nhiều lần thì phải thể hiện được dấu hiệu nhận dạng đối với mỗi lần sử dụng;

đ) Có dấu hiệu nhận dạng và các dấu hiệu nhận dạng này không thể giả mạo và khó tái tạo;

e) Chất liệu được sử dụng làm niêm phong phải có khả năng chịu được những va đập tự nhiên và có khả năng chống làm giả và tái sử dụng;

g) Trường hợp là niêm phong điện tử (sử dụng chíp điện tử), trong trường hợp khi kích hoạt có hành động phá hỏng thì có thể truyền tín hiệu thông qua vệ tinh và gửi thông tin cho cơ quan hải quan và doanh nghiệp để biết được phương tiện vận chuyển và hàng hóa chứa trong phương tiện vận chuyển đó (bao gồm cả thông tin về vị trí phương tiện có gắn niêm phong);

h) Niêm phong đặc biệt (đã được cơ quan hải quan chấp nhận khi đăng ký doanh nghiệp ưu tiên) phải đảm bảo được công tác giám sát, quản lý của cơ quan hải quan.

Điều 17. Thủ tục dự phòng trong trường hợp Hệ thống ACTS không hoạt động (thủ tục quá cảnh ACTS dự phòng)

1. Thủ tục quá cảnh hải quan thông qua Hệ thống ACTS được áp dụng thủ tục quá cảnh ACTS dự phòng trong các trường hợp sau:

a) Hệ thống điện tử tại một trong các cơ quan hải quan trong hành trình quá cảnh không hoạt động;

b) Hệ thống khai báo điện tử của người khai hải quan không hoạt động;

c) Toàn bộ hay một phần Hệ thống kết nối điện tử giữa cơ quan hải quan và người khai hải quan không hoạt động;

Người khai hải quan cần liên hệ bộ phận hỗ trợ Hệ thống ACTS tại cơ quan hải quan mà hoạt động quá cảnh đang diễn ra để được tư vấn.

2. Thủ tục quá cảnh ACTS dự phòng tại cơ quan hải quan nước đi.

a) Thủ tục quá cảnh ACTS dự phòng tại cơ quan hải quan nước đi chỉ được áp dụng khi tờ khai quá cảnh đã được cơ quan hải quan tại điểm đi phê duyệt thông qua Hệ thống ACTS và đã được in ra TAD.

b) Người khai hải quan có thể lựa chọn làm thủ tục quá cảnh hàng hóa theo quy định của pháp luật hiện hành tại nước đi hoặc chờ Hệ thống ACTS hoạt động trở lại để tiếp tục thủ tục quá cảnh thông qua Hệ thống ACTS.

3. Thủ tục quá cảnh ACTS dự phòng tại Chi cục hải quan quá cảnh.

a) Người vận chuyển phải xuất trình hàng hóa kèm theo TAD cho cơ quan Chi cục hải quan quá cảnh;

b) Chi cục hải quan kiểm tra, đối chiếu số niêm phong trên TAD với số niêm phong trên phương tiện vận tải, container chứa hàng hóa quá cảnh; kiểm tra tình trạng niêm phong;

c) Nếu kết quả kiểm tra phù hợp, Chi cục hải quan quá cảnh thực hiện phê duyệt, ghi nhận kết quả và thực hiện ký tên, đóng dấu vào mặt sau của TAD; lưu

01 bản chụp TAD đã được phê duyệt, ký tên, đóng dấu; trả lại người vận chuyển bản gốc TAD để tiếp tục hành trình;

d) Trường hợp kết quả kiểm tra, đối chiếu quy định tại điểm b khoản này không phù hợp, Chi cục hải quan quá cảnh căn cứ mức độ không phù hợp để xem xét, quyết định việc kiểm tra thực tế hàng hóa.

Nếu kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa phù hợp với số lượng và mô tả hàng hóa tại TAD thì thực hiện quy định tại điểm c Khoản này.

Nếu kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa không phù hợp với số lượng và mô tả hàng hóa tại TAD thì thực hiện xử lý vi phạm theo quy định pháp luật.

4. Thủ tục quá cảnh ACTS dự phòng tại cơ quan hải quan tại điểm đích.

a) Người vận chuyển phải xuất trình hàng hóa kèm theo TAD cho cơ quan hải quan tại điểm đích;

b) Trường hợp quá cảnh theo thủ tục đơn giản, cơ quan hải quan tại điểm đích phải thông báo cho người khai hải quan về việc hệ thống không hoạt động để yêu cầu người khai hải quan thực hiện thủ tục quá cảnh theo thủ tục thông thường;

c) Cơ quan hải quan tại điểm đích kiểm tra thông tin chi tiết tại TAD và đối chiếu thông tin hàng hóa với các chứng từ thương mại; kiểm tra số niêm phong gắn trên phương tiện vận tải và container chứa hàng hóa quá cảnh với số niêm phong trên TAD; kiểm tra tình trạng niêm phong;

d) Nếu kết quả kiểm tra phù hợp, cơ quan hải quan thực hiện phê duyệt, ghi nhận kết quả và thực hiện ký tên, đóng dấu vào mặt sau của TAD; lưu 01 bản chụp TAD đã được phê duyệt, ký tên, đóng dấu; trả lại người vận chuyển bản gốc TAD để cho phép thực hiện thủ tục tiếp theo (thủ tục nhập khẩu tiêu thụ nội địa, xuất khẩu hoặc đưa vào kho ngoại quan);

đ) Nếu kết quả kiểm tra không phù hợp, cơ quan hải quan có thể thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa. Nếu kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa không phù hợp với số lượng và mô tả hàng hóa trên TAD thì thực hiện xử lý vi phạm theo quy định pháp luật tại nước đích.

5. Cơ quan hải quan tại nước quá cảnh và tại điểm đích phải cập nhật tất cả các thông tin trên bản TAD như kết quả kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hóa, tình trạng niêm phong, số niêm phong (nếu có) vào Hệ thống ACTS ngay sau khi Hệ thống ACTS hoạt động trở lại.

Cơ quan hải quan tại điểm đích phải truyền thông tin hàng đến, kết quả kiểm tra, thông báo kết thúc hoạt động quá cảnh cho cơ quan hải quan nơi đi được biết.

Chương III
HỆ THỐNG ACTS

Điều 18. Hệ thống ACTS

1. Thủ tục quá cảnh quy định tại Nghị định này được thực hiện thông qua Hệ thống ACTS do Tổng cục Hải quan xây dựng, quản lý và vận hành trên cơ sở các tài liệu kỹ thuật được thống nhất giữa các quốc gia thành viên ASEAN tham gia Nghị định thư 7.

2. Các giao dịch điện tử thực hiện thông qua Hệ thống ACTS bao gồm:

a) Khai, nhận, phản hồi thông tin về thực hiện thủ tục quá cảnh hàng hóa;

b) Chuyển kết quả xử lý tờ khai hải quan quá cảnh tới người khai hải quan;

c) Trao đổi thông tin liên quan đến hàng hóa quá cảnh với Hệ thống ACTS tương ứng của các nước ASEAN trong hành trình quá cảnh của hàng hóa;

d) Kết nối thông tin với Hệ thống ACTS tương ứng của các nước ASEAN để phục vụ theo dõi giao dịch, thống kê số liệu liên quan đến quá cảnh hàng hóa;

đ) Kết nối với các hệ thống xử lý nghiệp vụ liên quan của cơ quan hải quan để phục vụ xử lý, theo dõi quá trình thực hiện thủ tục quá cảnh hàng hóa.

3. Cơ quan hải quan thực hiện xử lý tờ khai hải quan quá cảnh và ra quyết định về việc thông quan hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống ACTS.

Điều 19. Tiếp nhận, xử lý thông tin khai điện tử và phản hồi kết quả thông qua Hệ thống ACTS

1. Tiếp nhận thông tin khai điện tử:

a) Hệ thống ACTS tiếp nhận thông tin khai điện tử theo thời gian 24 giờ trong một ngày và 7 ngày trong một tuần;

b) Hệ thống ACTS thực hiện việc tiếp nhận, phản hồi thông tin khai điện tử theo chế độ tự động tới người khai và tới các hệ thống xử lý liên quan.

2. Khi xử lý thông tin tờ khai hải quan quá cảnh, cơ quan hải quan có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận và xử lý thông tin khai;

b) Phản hồi trạng thái tiếp nhận, xử lý thông tin tờ khai hải quan quá cảnh tới người khai hải quan.

Điều 20. Nguyên tắc hoạt động của Hệ thống ACTS

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ bí mật thương mại, bí mật kinh doanh và các quy định có liên quan đối với các giao dịch điện tử được thực hiện qua Hệ thống ACTS.

2. Đảm bảo tính chính xác, khách quan, đầy đủ và kịp thời của các giao dịch điện tử qua Hệ thống ACTS.

3. Đảm bảo an toàn thông tin đáp ứng theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

4. Tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước khi thực hiện thủ tục quá cảnh thông qua Hệ thống ACTS.

Điều 21. Chứng từ điện tử trao đổi qua Hệ thống ACTS

Việc trao đổi, sử dụng, chia sẻ, lưu trữ các thông tin và chứng từ điện tử thông qua Hệ thống ACTS phải phù hợp với quy định về thực hiện thủ tục quá cảnh quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Thông tin, chứng từ điện tử được truyền và trao đổi thông qua Hệ thống ACTS được cơ quan hải quan sử dụng trong quá trình thực hiện thủ tục quá cảnh hàng hóa.

Điều 22. Chuẩn dữ liệu và thông điệp trao đổi thực hiện Hệ thống ACTS

Chuẩn dữ liệu và thông điệp trao đổi thực hiện Hệ thống ACTS thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định này trên cơ sở thống nhất giữa các nước thành viên ASEAN tham gia Nghị định thư 7.

Điều 23. Đăng ký, sửa đổi, bổ sung, hủy hiệu lực tài khoản người sử dụng Hệ thống ACTS

1. Đăng ký tài khoản người sử dụng.

a) Tổ chức có nhu cầu tham gia đăng ký kết nối với Hệ thống ACTS (dưới đây gọi tắt là "người sử dụng") truy cập cổng thông tin điện tử hải quan (địa chỉ: https://www.customs.gov.vn) để lấy mẫu đăng ký người sử dụng theo các chỉ tiêu thông tin theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành.

Sau khi đăng ký thông tin người sử dụng theo mẫu, người sử dụng gửi đến thư điện tử hải quan để tiến hành đăng ký.

b) Trong thời gian 03 ngày làm việc, cơ quan hải quan kiểm tra nội dung đăng ký của người sử dụng và phản hồi kết quả qua thư điện tử của người sử dụng đã đăng ký:

Trường hợp thông tin cung cấp không đầy đủ, không phù hợp cơ quan hải quan sẽ gửi yêu cầu sửa đổi bổ sung thông tin tới người sử dụng;

Trường hợp thông tin cung cấp đầy đủ, phù hợp, đơn vị quản lý hệ thống phản hồi cho người sử dụng các thông tin về tài khoản người sử dụng và thông tin kết nối tới Hệ thống ACTS.

Trường hợp từ chối thông tin đăng ký của người sử dụng, cơ quan hải quan sẽ thông báo rõ lý do từ chối tới người sử dụng.

c) Sau khi nhận được thông tin phản hồi từ cơ quan hải quan, người sử dụng thực hiện:

Trường hợp cơ quan hải quan yêu cầu sửa đổi, bổ sung thông tin, người sử dụng thực hiện sửa đổi, bổ sung thông tin theo yêu cầu và gửi thông tin về thư điện tử của cơ quan hải quan.

Trường hợp cơ quan hải quan chấp nhận thông tin đăng ký, người sử dụng dùng thông tin phản hồi của cơ quan hải quan để lấy thông tin truy cập vào Hệ thống ACTS.

2. Sửa đổi, bổ sung thông tin đăng ký tài khoản người sử dụng

a) Khi sửa đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký, người sử dụng đăng nhập vào cổng thông tin điện tử hải quan, thực hiện chức năng sửa thông tin đăng ký và gửi yêu cầu sửa đổi, bổ sung thông tin này đến Đơn vị quản lý hệ thống;

b) Đơn vị quản lý hệ thống kiểm tra nội dung sửa đổi, bổ sung của người sử dụng và phản hồi kết quả theo các trường hợp như nêu tại điểm b khoản 1 Điều này.

3. Huỷ hiệu lực thông tin tài khoản người sử dụng

a) Trường hợp huỷ hiệu lực thông tin đã đăng ký trên Hệ thống ACTS người sử dụng đăng nhập vào cổng thông tin điện tử hải quan, thực hiện chức năng yêu cầu huỷ hiệu lực thông tin đăng ký và gửi yêu cầu huỷ hiệu lực thông tin này tới đơn vị quản lý hệ thống;

b) Chậm nhất là 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu hủy hiệu lực thông tin đã đăng ký của người sử dụng, đơn vị quản lý hệ thống kiểm tra yêu cầu huỷ hiệu lực thông tin đã đăng ký của người sử dụng và phản hồi kết quả kiểm tra tới người sử dụng thông qua cổng thông tin điện tử hải quan.

Điều 24. Xử lý sự cố

Trường hợp Hệ thống ACTS có sự cố không thể trao đổi, cung cấp thông tin dưới hình thức điện tử:

1. Đơn vị quản lý hệ thống thông báo ngay cho người quá cảnh hàng hóa và các nước trên tuyến đường quá cảnh hàng hóa bằng hình thức phù hợp như

qua thông báo, điện thoại, thư điện tử theo đầu mối đã được đăng ký với đơn vị quản lý hệ thống.

2. Trong thời gian khắc phục sự cố, thủ tục quá cảnh hàng hóa được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định này.

Chương IV
BẢO LÃNH VÀ THU HỒI NỢ THUẾ HẢI QUAN

Mục 1
BẢO LÃNH HÀNG HÓA QUÁ CẢNH

Điều 25. Bảo lãnh riêng

1. Khi đăng ký tờ khai hải quan cho lô hàng quá cảnh xuất phát từ Việt Nam, người khai hải quan nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng cho cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai để cập nhật vào Hệ thống ACTS. Bảo lãnh này có giá trị đối với các nước có liên quan đến hành trình hàng quá cảnh đi qua.

2. Cách tính số tiền bảo lãnh:

a) Số tiền bảo lãnh = 110% (một trăm mười phần trăm) tổng số tiền thuế nhập khẩu và các loại thuế khác (nếu có). Trong đó:

Các loại thuế khác (thuế tổng hợp) = (Trị giá tính thuế nhập khẩu + Tiền thuế nhập khẩu) x Thuế suất tổng hợp (%)

Thuế suất tổng hợp (%) = Tổng số tiền thuế của từng sắc thuế/trị giá tính thuế nhập khẩu

Trường hợp mức thuế suất tổng hợp là số thập phân thì làm tròn lên (ví dụ thuế suất tổng hợp là 9,1% thì làm tròn thành 10%);

b) Mức thuế suất thuế nhập khẩu và các loại thuế khác được tính theo mức thuế cao nhất theo quy định của pháp luật về thuế của nước có liên quan đến hành trình hàng hóa quá cảnh đi qua. Mức thuế suất thuế nhập khẩu tại Việt Nam tính theo Biểu thuế suất ưu đãi (MFN);

c) Trị giá tính thuế nhập khẩu tại Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành;

d) Cách tính thuế nhập khẩu và các loại thuế khác (nếu có) tại Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Đối với hàng hóa áp dụng tính thuế theo mức thuế tuyệt đối hoặc hỗn hợp thì không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định này và phải thực hiện theo quy định hiện hành về hàng hóa quá cảnh thông thường.

3. Đồng tiền bảo lãnh và đồng tiền nộp thuế:

a) Đồng tiền bảo lãnh:

Trường hợp hàng hóa xuất phát từ Việt Nam quá cảnh qua các nước thành viên ASEAN thì đồng tiền ghi trên Thư bảo lãnh là đồng Việt Nam. Các trường hợp khác thì đồng tiền ghi trên Thư bảo lãnh thực hiện theo quy định của nước đi.

b) Đồng tiền nộp thuế:

Đồng tiền thanh toán tiền thuế hải quan phát sinh phải nộp cho cơ quan hải quan Việt Nam là đồng Việt Nam.

4. Thời hạn, hiệu lực bảo lãnh:

a) Thời hạn bảo lãnh riêng không quá 90 ngày kể từ ngày tờ khai hải quan quá cảnh được cơ quan hải quan điểm đi chấp nhận;

b) Hiệu lực của Thư bảo lãnh được tính từ ngày tờ khai hải quan quá cảnh được cơ quan hải quan điểm đi chấp nhận đến khi kết thúc hành trình vận chuyển hàng hóa quá cảnh hoặc người quá cảnh/tổ chức bảo lãnh đã thanh toán đủ tiền thuế thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt (nếu có) theo quy định.

5. Nội dung Thư bảo lãnh thực hiện theo mẫu hoặc bộ chỉ tiêu thông tin bảo lãnh do Bộ Tài chính quy định.

6. Điều kiện của tổ chức bảo lãnh

a) Người bảo lãnh phát hành bảo lãnh tại Việt Nam là tổ chức tín dụng hoạt động theo Luật tổ chức tín dụng, có trụ sở hoặc chi nhánh tại Việt Nam;

b) Có chi nhánh hoặc địa chỉ giao dịch tại lãnh thổ của nước có hành trình vận chuyển hàng hóa quá cảnh hoặc phải chỉ định ủy quyền cho đại lý tại lãnh thổ của nước có hành trình vận chuyển hàng hóa quá cảnh.

7. Trách nhiệm thanh toán tiền thuế hải quan:

a) Khi phát sinh tiền thuế hải quan thì người khai hải quan có trách nhiệm nộp đủ tiền thuế hải quan trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan hải quan nơi phát sinh tiền thuế hải quan;

b) Quá 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan hải quan, người khai hải quan chưa nộp tiền thuế hải quan, tiền chậm nộp thì người bảo lãnh có trách nhiệm thanh toán khoản tiền thuế hải quan, tiền chậm nộp thay cho người khai hải quan trong vòng 30 ngày kể từ ngày có thông báo của cơ quan hải quan nơi phát sinh tiền thuế hải quan phải nộp. Ngoài việc phải thanh toán đủ tiền thuế hải quan, tiền chậm nộp, người khai hải quan hoặc người bảo lãnh còn phải thanh toán tiền phạt (nếu có) theo quy định của pháp luật hiện hành.

Cách tính tiền chậm nộp thực hiện theo quy định của Luật Quản lý thuế và

các văn bản hướng dẫn Luật Quản lý thuế.

8. Kiểm tra, theo dõi, xử lý bảo lãnh:

Cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan quá cảnh kiểm tra, theo dõi, xử lý bảo lãnh như sau:

a) Trường hợp người bảo lãnh đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định, Thư bảo lãnh hợp lệ thì chấp nhận Thư bảo lãnh và cập nhật dữ liệu trên Hệ thống ACTS;

b) Trường hợp không đáp ứng đủ các điều kiện, Thư bảo lãnh không hợp lệ thì cơ quan hải quan thông báo cho tổ chức bảo lãnh, người khai hải quan biết.

Trường hợp nghi ngờ tính trung thực của Thư bảo lãnh, cơ quan hải quan tạm dừng bảo lãnh và có văn bản trao đổi với người bảo lãnh để xác minh;

c) Thông báo nộp tiền thuế hải quan theo quy định tại khoản 7 Điều này.

Trường hợp sau 30 ngày kể từ ngày thông báo số tiền thuế hải quan phát sinh phải nộp, người bảo lãnh không thực hiện đúng cam kết thì trong vòng 03 ngày làm việc, cơ quan hải quan thông báo bằng văn bản hoặc trên Hệ thống dữ liệu điện tử cho các đơn vị hải quan trên phạm vi toàn quốc và cơ quan hải quan các nước tham gia Hệ thống ACTS biết để không chấp nhận Thư bảo lãnh của người bảo lãnh đó;

d) Tiền thuế hải quan đã nộp sẽ được hoàn trả cho người khai hải quan hoặc người bảo lãnh nếu trong vòng một năm kể từ ngày nộp tiền thuế hải quan với điều kiện là các cơ quan có thẩm quyền xác định không có vi phạm trong hành trình vận chuyển hàng hóa quá cảnh và hàng hóa đã kết thúc hành trình quá cảnh.

Trường hợp người khai hải quan và người bảo lãnh cùng đồng thời nộp tiền thuế hải quan thì số tiền thuế hải quan nộp thừa được hoàn trả cho người bảo lãnh .

Việc hoàn trả tiền thuế hải quan thực hiện xử lý như hoàn trả tiền thuế nộp thừa theo quy định của pháp luật về quản lý thuế;

Điều 26. Bảo lãnh chung

1. Khi đăng ký tờ khai hải quan cho lô hàng quá cảnh xuất phát từ Việt Nam, người khai hải quan nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng cho cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai để cập nhật vào Hệ thống ACTS. Bảo lãnh này có giá trị đối với các nước có liên quan đến hành trình hàng quá cảnh đi qua. Việc sử dụng bảo lãnh chung phải đảm bảo số tiền bảo lãnh phải lớn hơn hoặc bằng số tiền bảo lãnh của mỗi lô hàng quá cảnh phát sinh.

Bảo lãnh chung được trừ lùi, khôi phục tương ứng với số tiền thuế được

bảo lãnh đã hoàn thành hành trình vận chuyển hàng quá cảnh, không có bất thường xảy ra hoặc tương ứng với số tiền thuế hải quan mà người khai hải quan hoặc người bảo lãnh đã nộp khi có bất thường xảy ra.

Việc sửa đổi, bổ sung bảo lãnh chung phải đảm bảo không ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ thuế (nếu có) của các tờ khai trước đó có sử dụng bảo lãnh.

2. Cách tính số tiền bảo lãnh chung, đồng tiền bảo lãnh và đồng tiền nộp thuế thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định này.

3. Thời hạn, hiệu lực bảo lãnh:

a) Thời hạn bảo lãnh: Là khoảng thời gian bảo lãnh cho 02 tờ khai trở lên, tối đa không quá 01 năm nhưng đối với mỗi tờ khai hải quan quá cảnh có sử dụng bảo lãnh chung thì thời hạn bảo lãnh không quá 90 ngày, kể từ ngày đăng ký tờ khai quá cảnh được cơ quan hải quan tại nước đi chấp nhận;

b) Hiệu lực của Thư bảo lãnh chung và hiệu lực bảo lãnh cho mỗi tờ khai hải quan quá cảnh có sử dụng bảo lãnh chung có giá trị đến khi kết thúc hành trình vận chuyển hàng hóa quá cảnh hoặc người khai hải quan, người bảo lãnh đã thanh toán đủ tiền thuế hải quan thay cho người khai hải quan khi có bất thường xảy ra.

4. Nội dung thư bảo lãnh, điều kiện bảo lãnh, trách nhiệm thanh toán tiền thuế hải quan và kiểm tra, theo dõi, xử lý bảo lãnh thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định này.

Điều 27. Đặt cọc hàng hóa quá cảnh

1. Người khai hải quan được lựa chọn hình thức đặt cọc đảm bảo cho việc thanh toán tiền thuế hải quan có thể phát sinh phải nộp cho một tờ khai hải quan quá cảnh.

2. Cách tính số tiền đặt cọc cho một tờ khai hải quan quá cảnh, đồng tiền đặt cọc, đồng tiền nộp thuế và trách nhiệm thanh toán tiền thuế hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định này. Số tiền đặt cọc này có giá trị cho tất cả các nước mà hàng hóa quá cảnh đi qua.

Trường hợp người quá cảnh hàng hóa đăng ký tờ khai hải quan quá cảnh điểm đi tại Việt Nam thì số tiền đặt cọc được chuyển vào tài khoản tiền gửi của cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan quá cảnh.

3. Kiểm tra, theo dõi, xử lý tiền đặt cọc:

Cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan quá cảnh kiểm tra, theo dõi, xử lý tiền đặt cọc như sau:

a) Trường hợp người khai hải quan đặt cọc đủ số tiền theo quy định cho

một tờ khai hải quan quá cảnh thì cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan quá cảnh cập nhật dữ liệu vào Hệ thống ACTS;

b) Trường hợp số tiền đặt cọc cho một tờ khai hải quan quá cảnh nhỏ hơn theo quy định thì cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan quá cảnh thông báo cho người khai hải quan biết.

4. Sau khi hoạt động vận chuyển hàng hóa quá cảnh kết thúc, cơ quan hải quan thực hiện hoàn trả lại khoản tiền đặt cọc như xử lý hoàn trả tiền thuế nộp thừa theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

5. Trường hợp phát sinh nợ thuế hải quan phải nộp thì việc xử lý thu hồi nợ thuế hải quan thực hiện theo Điều 31 Nghị định này.

6. Trường hợp phát sinh nợ thuế hải quan tại Việt Nam, cơ quan hải quan nơi phát sinh nợ thuế gửi yêu cầu đến cơ quan hải quan của nước đang giữ khoản tiền đặt cọc chuyển vào tài khoản thu ngân sách số tiền tương đương với số tiền thuế phải nộp.

Trường hợp cơ quan hải quan của nước ký kết chuyển khoản tiền đặt cọc bằng đô la Mỹ hoặc đồng tiền thanh toán của quốc gia mình thì cơ quan hải quan thực hiện quy đổi sang tiền đồng Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 28. Hủy bỏ bảo lãnh

1. Hủy bỏ bảo lãnh:

a) Trường hợp người bảo lãnh có văn bản đề nghị hủy bỏ sử dụng bảo lãnh riêng hoặc bảo lãnh chung (hủy ngang) cho cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hoặc gửi qua đường bưu chính hoặc nộp thông qua giao dịch điện tử (nếu có), nội dung văn bản đề nghị phải nêu rõ số hiệu bảo lãnh, số tham chiếu bảo lãnh, số tờ khai sử dụng bảo lãnh.

b) Trước khi có đề nghị hủy bỏ sử dụng bảo lãnh, người bảo lãnh có trách nhiệm thanh toán đủ tiền thuế hải quan, phát sinh phải nộp của các tờ khai hải quan quá cảnh đã sử dụng bảo lãnh riêng hoặc bảo lãnh chung;

c) Cơ quan hải quan khi nhận được văn bản đề nghị hủy bảo lãnh thì kiểm tra thông tin bảo lãnh. Trường hợp chấp nhận hủy bảo lãnh thì cơ quan hải quan cập nhật tình trạng hủy bỏ Thư bảo lãnh trên Hệ thống ACTS. Việc chấp nhận hủy bỏ bảo lãnh chỉ được thực hiện sau khi tiền thuế hải quan phát sinh của các tờ khai hải quan quá cảnh có sử dụng bảo lãnh được nộp đủ vào ngân sách nhà nước hoặc đã hoàn thành hành trình hàng hóa quá cảnh mà không có bất thường xảy ra.

2. Thư bảo lãnh không còn giá trị sử dụng vào ngày thứ 14 kể từ ngày cơ quan hải quan chấp nhận cho người bảo lãnh được hủy bỏ bảo lãnh.

Điều 29. Quyền và trách nhiệm của người bảo lãnh

1. Người bảo lãnh có các quyền sau:

a) Được miễn trách nhiệm liên quan đến hoạt động quá cảnh hàng hóa khi trong vòng 01 năm kể từ ngày tờ khai hải quan quá cảnh được cơ quan hải quan tại điểm đi chấp nhận không nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền về những bất thường xảy ra đối với hàng hóa quá cảnh phải thanh toán tiền thuế hải quan phát sinh phải nộp;

b) Không phải thanh toán tiền thuế hải quan khi thủ tục quá cảnh hàng hóa đã kết thúc trừ khi phát hiện ra gian lận;

c) Được hoàn lại số tiền thuế hải quan đã thanh toán thay cho người khai hải quan trong trường hợp trong vòng 01 năm các cơ quan có thẩm quyền xác định không có vi phạm xảy ra liên quan đến hoạt động quá cảnh hoặc hoạt động quá cảnh có liên quan đã kết thúc.

2. Người bảo lãnh có trách nhiệm đến cùng theo hiệu lực của bảo lãnh và thanh toán tiền thuế hải quan quy định tại khoản 7 Điều 25, khoản 4 Điều 26 Nghị định này.

Mục 2

TRÁCH NHIỆM THANH TOÁN TIỀN THUẾ HẢI QUAN VÀ GIẢM THUẾ; THU HỒI VÀ HỖ TRỢ THU HỒI NỢ THUẾ HẢI QUAN

Điều 30. Trường hợp phát sinh tiền thuế hải quan phải nộp và giảm thuế hải quan

1. Các trường hợp sau đây được xác định là phát sinh tiền thuế hải quan phải nộp:

a) Hàng hóa di chuyển bất hợp pháp khỏi thủ tục quá cảnh thông qua Hệ thống ACTS;

b) Hàng hóa nhập khẩu chuyển tiêu thụ nội địa hoặc hàng hóa thay đổi về số lượng, trị giá, xuất xứ làm phát sinh số thuế phải nộp.

2. Địa điểm được xác định phát sinh tiền thuế hải quan phải nộp: Là nơi mà bất thường xảy ra trong quá trình vận chuyển quá cảnh dẫn đến phát sinh tiền thuế hải quan. Trường hợp không xác định được bất thường xảy ra tại một địa điểm cụ thể thì địa điểm phát sinh tiền thuế hải quan là nơi bất thường được phát hiện.

3. Người chịu trách nhiệm đầu tiên đối với tiền thuế hải quan phát sinh phải nộp là người khai hải quan và người bảo lãnh. Việc thanh toán tiền thuế hải quan thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 25 Nghị định này. Ngoài ra, tùy

từng trường hợp những người sau đây cũng phải thực hiện trách nhiệm thanh toán tiền thuế hải quan:

a) Người di chuyển hàng hóa bất hợp pháp khỏi thủ tục ACTS;

b) Người tham gia vào quá trình di chuyển hàng hóa bất hợp pháp khỏi thủ tục ACTS;

c) Người sở hữu hoặc nắm giữ hàng hóa di chuyển bất hợp pháp khỏi thủ tục ACTS.

4. Giảm thuế nhập khẩu:

a) Trường hợp hàng hóa quá cảnh đang trong quá trình giám sát của cơ quan hải quan theo quy định của pháp luật hải quan nếu bị hư hỏng, mất mát do nguyên nhân khách quan thì được giảm thuế nhập khẩu. Mức giảm thuế tương đương tỷ lệ tổn thất thực tế của hàng hóa. Trường hợp hàng hóa bị hư hỏng, mất mát toàn bộ thì không phải nộp thuế.

b) Hồ sơ, thủ tục, thẩm quyền giảm thuế nhập khẩu: Thực hiện theo quy định tại Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 31. Thu hồi và hỗ trợ thu hồi tiền thuế hải quan

1. Thu hồi tiền thuế hải quan:

a) Các trường hợp phát sinh số tiền thuế phải nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định này hoặc sau 30 ngày mà cơ quan hải quan không nhận được chứng từ, tài liệu chứng minh hoạt động quá cảnh đã kết thúc của người khai hải quan quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định này thì cơ quan hải quan của nước có phát sinh tiền thuế hải quan thực hiện thu hồi theo quy định tại Nghị định thư 7 và pháp luật của nước đó. Cơ quan hải quan nước đi có trách nhiệm phối hợp thu hồi tiền thuế hải quan với cơ quan hải quan nơi phát sinh tiền thuế hải quan phải nộp;

b) Cơ quan hải quan Việt Nam nơi phát sinh tiền thuế hải quan phải nộp thực hiện tính toán lại số tiền thuế hải quan phải nộp theo quy định của pháp luật Việt Nam và thu hồi theo quy định của Nghị định thư 7 và pháp luật về thuế, quản lý thuế của Việt Nam. Việc đôn đốc thu hồi tiền thuế hải quan, yêu cầu hỗ trợ thu hồi nợ thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 25 Nghị định này và khoản 2 Điều này.

2. Hỗ trợ thu hồi nợ thuế hải quan:

a) Trường hợp chưa thu hồi được hoặc thu hồi chưa đủ tiền thuế hải quan thì cơ quan hải quan của nước có phát sinh tiền thuế hải quan yêu cầu cơ quan hải quan của nước có liên quan đến hành trình hàng quá cảnh đi qua hỗ trợ thu hồi nợ thuế;

b) Trường hợp người quá cảnh lựa chọn hình thức đặt cọc thì khi có yêu cầu của cơ quan hải quan nơi phát sinh tiền thuế hải quan phải nộp, cơ quan hải quan nước đi có trách nhiệm chuyển số tiền người quá cảnh đã đặt cọc cho cơ quan hải quan của nước có phát sinh tiền thuế hải quan phải nộp.

3. Hình thức hỗ trợ:

Việc hỗ trợ thu hồi nợ thuế được thực hiện bằng hình thức văn bản hoặc thông qua hệ thống điện tử. Khi có yêu cầu hỗ trợ thu hồi nợ thuế hải quan, cơ quan hải quan yêu cầu hỗ trợ phải cung cấp cho cơ quan hải quan được yêu cầu hỗ trợ các thông tin tối thiểu sau:

a) Tên, mã số thuế của người khai hải quan;

b) Số tờ khai quá cảnh, ngày đăng ký;

c) Số tiền và lý do phát sinh tiền thuế hải quan phải nộp;

d) Các thông tin khác (nếu cần).

4. Thời hạn xử lý yêu cầu hỗ trợ:

Trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu hỗ trợ, cơ quan hải quan được yêu cầu hỗ trợ phải thông báo cho cơ quan hải quan yêu cầu hỗ trợ biết về các thông tin:

a) Các hoạt động tiến hành để thu hồi nợ thuế và kết quả thu hồi nợ thuế (nếu có);

b) Không thu hồi được, chưa thu hồi đủ hoặc từ chối hỗ trợ thu hồi nợ thuế hải quan.

5. Ngừng hỗ trợ thu hồi nợ thuế hải quan:

Trường hợp người khai hải quan chứng minh khoản nợ thuế hải quan đang được xem xét tại nước phát sinh nợ thuế thì cơ quan hải quan được yêu cầu hỗ trợ tạm ngừng các hoạt động thu hồi nợ thuế và có văn bản thông báo cho cơ quan hải quan yêu cầu hỗ trợ biết.

Chương V
CHẾ ĐỘ ƯU TIÊN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP QUÁ CẢNH

Điều 32. Điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên

Doanh nghiệp quá cảnh được áp dụng chế độ ưu tiên khi thực hiện quá cảnh thông qua Hệ thống ACTS khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Điều kiện về trụ sở của doanh nghiệp quá cảnh

Doanh nghiệp quá cảnh là doanh nghiệp Việt Nam có địa chỉ ~~thường trú~~ tại Việt Nam hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp quá cảnh

nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp Giấy phép thành lập, có trụ sở tại lãnh thổ Việt Nam.

2. Điều kiện về mức độ sử dụng thủ tục quá cảnh thông qua Hệ thống ACTS.

Doanh nghiệp quá cảnh thực hiện thủ tục quá cảnh hàng hóa thông qua Hệ thống ACTS phải đảm bảo lượng tờ khai quá cảnh thông qua Hệ thống ACTS tối thiểu bằng 60% tổng số tờ khai quá cảnh qua các nước ASEAN mà doanh nghiệp thực hiện trong 01 năm tính đến thời điểm doanh nghiệp đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên.

3. Điều kiện về lưu giữ hồ sơ hải quan, sổ sách, chứng từ kế toán và các chứng từ khác liên quan đến hàng hóa quá cảnh:

Hồ sơ hải quan, sổ sách, chứng từ kế toán và các chứng từ khác liên quan đến hàng hóa quá cảnh phải được doanh nghiệp lưu giữ theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 5 Nghị định này.

4. Điều kiện tuân thủ pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế

Trong thời hạn 05 năm liên tục tính đến thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên khi thực hiện thủ tục quá cảnh, doanh nghiệp không vi phạm các quy định của pháp luật về thuế, hải quan tới mức bị xử lý vi phạm về các hành vi sau:

a) Hành vi khai sai thuế, trốn thuế, gian lận thuế; vi phạm quy định về giám sát hải quan;

b) Các hành vi vi phạm hành chính khác trong lĩnh vực hải quan có mức xử phạt cao hơn mức phạt tiền theo thẩm quyền của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan và tương đương quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính;

c) Không nợ thuế quá hạn quy định.

5. Điều kiện về sử dụng niêm phong đặc biệt

Trường hợp doanh nghiệp đăng ký sử dụng niêm phong đặc biệt để niêm phong hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống ACTS thì niêm phong đặc biệt phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định này và phải đăng ký với cơ quan hải quan nơi cung cấp niêm phong đặc biệt.

Điều 33. Chế độ ưu tiên

1. Được ưu tiên sử dụng bảo lãnh nhiều hành trình tại tất cả các nước trong hành trình quá cảnh.

2. Miễn xuất trình TAD, xuất trình hàng hóa tại cơ quan hải quan, trừ trường hợp hệ thống ATCS có sự cố.

3. Miễn kiểm tra hồ sơ hải quan, miễn kiểm tra thực tế hàng hóa tại cơ quan hải quan điểm đi, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì việc kiểm tra hồ sơ được thực hiện tại trụ sở doanh nghiệp và việc kiểm tra thực tế được thực hiện tại địa điểm lưu giữ hàng hóa của doanh nghiệp.

4. Được sử dụng niêm phong đặc biệt được cơ quan hải quan chứng nhận.

5. Thời hạn doanh nghiệp quá cảnh được hưởng chế độ ưu tiên là 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ ngày cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành quyết định công nhận doanh nghiệp quá cảnh được ưu tiên.

Điều 34. Thủ tục công nhận, đình chỉ, thu hồi quyết định công nhận doanh nghiệp quá cảnh được ưu tiên làm thủ tục ACTS

1. Trách nhiệm của doanh nghiệp quá cảnh

Doanh nghiệp quá cảnh có yêu cầu được áp dụng chế độ ưu tiên làm thủ tục thông qua Hệ thống ACTS tự đối chiếu với các điều kiện quy định tại Nghị định này, gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến Tổng cục Hải quan đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành, văn bản ghi rõ ngày tháng và có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, đăng ký danh sách số niêm phong đặc biệt dự kiến sẽ sử dụng để niêm phong hàng hóa quá cảnh, nêu rõ nơi cung cấp mẫu niêm phong đặc biệt: 01 bản chính;

Trường hợp thay đổi số niêm phong đặc biệt đã đăng ký hoặc đăng ký bổ sung niêm phong đặc biệt, doanh nghiệp ưu tiên gửi danh sách số niêm phong đặc biệt bổ sung theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành cho Tổng cục hải quan để cập nhật trên Hệ thống trước khi sử dụng.

Cơ quan hải quan kiểm tra thông tin và cập nhật lên Hệ thống số niêm phong đặc biệt thay đổi và bổ sung trong thời hạn 08 giờ làm việc kể từ khi nhận được mẫu đăng ký.

b) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (trường hợp doanh nghiệp Việt Nam), giấy phép thành lập (đối với chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài): 01 bản sao chứng thực;

c) Báo cáo tình hình chấp hành pháp luật hải quan, pháp luật thuế của doanh nghiệp trong thời hạn 05 năm liên tục tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên: 01 bản chính;

d) Báo cáo hoạt động quá cảnh hàng hóa của doanh nghiệp qua các nước ASEAN trong 1 năm tính đến thời điểm doanh nghiệp quá cảnh đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên (trong đó thống kê cụ thể số lượng tờ khai quá cảnh thông qua hệ thống ACTS): 01 bản chính.

2. Trách nhiệm của Tổng cục Hải quan:

a) Kiểm tra hồ sơ công nhận doanh nghiệp quá cảnh được ưu tiên để đảm bảo tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ hồ sơ do doanh nghiệp nộp; đối chiếu thông tin do doanh nghiệp cung cấp, thông tin thu thập được với điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên quy định tại Điều 32 Nghị định này;

Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ Tổng cục Hải quan có văn bản trả lời doanh nghiệp, nêu rõ lý do không đáp ứng.

b) Kiểm tra thực tế tại doanh nghiệp theo các nội dung gồm: Kiểm tra thông tin khai báo của doanh nghiệp tại hồ sơ đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên; đối chiếu kết quả kiểm tra thực tế với báo cáo kết quả kiểm tra hồ sơ; kiểm tra hồ sơ, chứng từ, tài liệu liên quan đến hoạt động quá cảnh mà doanh nghiệp đã thực hiện trong thời hạn 02 năm gần nhất để đánh giá kinh nghiệm làm thủ tục quá cảnh hàng hóa, mức độ tin cậy, mức độ tuân thủ pháp luật hải quan, pháp luật thuế của doanh nghiệp quá cảnh; kiểm tra điều kiện kỹ thuật của niêm phong đặc biệt mà doanh nghiệp đăng ký sử dụng để niêm phong hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống ACTS;

c) Thời gian kiểm tra thực tế tại doanh nghiệp tối đa 03 ngày làm việc. Kết thúc kiểm tra thực tế, phải có Báo cáo kết quả kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế và lưu vào hồ sơ công nhận doanh nghiệp ưu tiên.

3. Quyết định công nhận doanh nghiệp quá cảnh được ưu tiên:

a) Trên cơ sở báo cáo kết quả kiểm tra, dữ liệu của ngành hải quan, các thông tin thu thập và kết quả xác minh thông tin bổ sung (nếu có), trường hợp doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra thực tế tại doanh nghiệp, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ký quyết định công nhận doanh nghiệp ưu tiên theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành. Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra thực tế tại doanh nghiệp, Tổng cục Hải quan có văn bản trả lời doanh nghiệp nêu rõ lý do không đáp ứng;

b) Quyết định công nhận doanh nghiệp quá cảnh được ưu tiên có hiệu lực trong thời hạn 36 (ba mươi sáu) tháng, kể từ ngày ban hành quyết định.

4. Doanh nghiệp quá cảnh được ưu tiên sẽ bị đình chỉ, thu hồi quyết định công nhận trong các trường hợp:

a) Không còn đáp ứng một trong các điều kiện để được công nhận quy định tại Điều 32 Nghị định này;

b) Hoặc doanh nghiệp quá cảnh được ưu tiên có đơn đề nghị từ bỏ quyền ưu tiên gửi qua đường bưu điện gửi đến Tổng cục Hải quan. Nội dung đơn phải

đảm bảo các nội dung: Tên doanh nghiệp, địa chỉ, số quyết định công nhận, lý do đề nghị từ bỏ, ghi rõ ngày tháng, ký, đóng dấu của doanh nghiệp;

Tổng cục Hải quan căn cứ vào các chứng từ, tài liệu thu thập để xác định doanh nghiệp không đáp ứng điều kiện được ưu tiên hoặc đơn đề nghị từ bỏ ưu tiên của doanh nghiệp để ra quyết định đình chỉ/thu hồi quyết định công nhận doanh nghiệp ưu tiên theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày thu thập các chứng từ tài liệu hoặc từ ngày nhận được đơn đề nghị từ bỏ.

Điều 35. Trách nhiệm quản lý của cơ quan hải quan

1. Định kỳ 36 tháng, căn cứ đề nghị gia hạn chế độ ưu tiên và các báo cáo của doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định này, Tổng cục Hải quan đánh giá lại các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên, đánh giá tuân thủ pháp luật hải quan, pháp luật về thuế của doanh nghiệp quá cảnh được ưu tiên để xem xét gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên cho doanh nghiệp quá cảnh.

2. Thông báo cho các bên ký kết Hiệp định trên Hệ thống ACTS về các quyết định công nhận, đình chỉ, thu hồi quyết định công nhận doanh nghiệp quá cảnh được ưu tiên.

Điều 36. Trách nhiệm của doanh nghiệp quá cảnh được ưu tiên

1. Tuân thủ pháp luật hải quan, pháp luật thuế.

2. Thực hiện chế độ báo cáo hàng năm theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành gửi Tổng cục Hải quan chậm nhất ngày 20/01 năm tiếp theo hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan hải quan.

3. Thực hiện việc tự kiểm tra, phát hiện, khắc phục sai sót, báo cáo cơ quan hải quan; duy trì các điều kiện doanh nghiệp quá cảnh được ưu tiên theo quy định tại Nghị định này.

Trường hợp phát sinh những vấn đề ảnh hưởng đến điều kiện ưu tiên phải kịp thời báo cáo cho cơ quan hải quan nơi ban hành quyết định công nhận doanh nghiệp quá cảnh được ưu tiên.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 37. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2019.

Điều 38. Tổ chức thực hiện và trách nhiệm thi hành

1. Bộ Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổ chức thực hiện các quy định tại Nghị định này;

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng, hướng dẫn, ban hành cụ thể về các yêu cầu kỹ thuật, phát triển, triển khai, quản lý, vận hành hệ thống công nghệ thông tin cho hoạt động quá cảnh ACTS; chỉ tiêu thông tin, chuẩn dữ liệu và thông điệp điện tử để thực hiện các giao dịch thông qua Hệ thống ACTS, về quản lý bảo lãnh.

2. Bộ Giao thông vận tải quy định cụ thể tuyến đường được vận chuyển hàng hóa quá cảnh hải quan ASEAN.

3. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ liên quan cung cấp Danh mục hàng hóa cấm, hạn chế quá cảnh theo Hệ thống ACTS và cơ quan quản lý Nhà nước thực hiện việc cấp giấy phép quá cảnh cho Tổng thư ký ASEAN ngay sau khi Nghị định này có hiệu lực. Trường hợp Danh mục hàng hóa cấm quá cảnh, hạn chế quá cảnh và hàng hóa quá cảnh phải có giấy phép sửa đổi, bổ sung thì việc cung cấp thực hiện ngay sau khi cơ quan có thẩm quyền ban hành Danh mục.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc